

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH : QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Sinh viên : Trần Quốc Tuấn

Giảng viên hướng dẫn: ThS Nguyễn Thị Tình

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI
KHU DI TÍCH ĐÔNG YÊN TỬ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

Sinh viên : Trần Quốc Tuấn

Giảng viên hướng dẫn: ThS Nguyễn Thị Tình

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Quốc Tuấn Mã SV: 1412405026

Lớp : DL1801

Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

**Tên đề tài: Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch tại khu
di tích Đông Yên Tử**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

a. Nội dung

- Hệ thống hóa, lí luận chung về du lịch và phát triển du lịch
- Phân tích đánh giá thực trạng phát triển du lịch tại khu di tích Đông Yên Tử

b. Các yêu cầu cần giải quyết

- Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch tại khu di tích Đông Yên Tử

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Khách sạn Emerald, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên Nguyễn Thị Tình :

Học hàm, học vị : ThS

Cơ quan công tác : Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch tại khu di tích
Đông Yên Tử

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Trần Quốc Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Tình

Hải Phòng, ngày 08 tháng 01 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ThS Nguyễn Thị Tình

viên:

Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Trần Quốc Tuấn Chuyên ngành: Quản trị dịch

viên: vụ du lịch và lễ hành

Đề tài tốt nghiệp:

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Tình

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ
CỦA NGƯỜI CHĂM PHẢN BIỆN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Tên đề tài:

.....
.....
...của sinh viên:.....Lớp:.....

1. Đánh giá chất lượng đề tài tốt nghiệp về các mặt thu thập và phân tích tài liệu, số liệu ban đầu; cơ sở lí luận chọn phương án tối ưu, cách tính toán chất lượng thuyết minh bản vẽ, giá trị lí luận và thực tiễn của đề tài.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Cho điểm của người chấm phản biện:

(Điểm ghi bằng số và chữ)

Ngày tháng năm 2019

Người chấm phản biện

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
PHẦN MỞ ĐẦU	2
Chương 1:.....	5
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	5
1.1 Cơ sở lý luận về du lịch.....	5
1.1.1. Khái niệm về du lịch	5
1.1.2. Khái niệm về khách du lịch.....	7
1.1.3. Khái niệm khu du lịch	7
1.1.4. Khái niệm về tài nguyên du lịch.....	8
1.1.5. Một số loại hình du lịch.....	11
Đặc điểm du lịch tâm linh ở Việt Nam:	12
1.1.6. Sản phẩm du lịch	15
1.1.6.2 Những đặc tính của sản phẩm du lịch.....	16
1.1.6.3. Những yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch	17
1.1.7. Phát triển bền vững.....	19
1.1.8. Phát triển du lịch bền vững.....	20
1.2 Cơ sở thực tiễn về phát triển du lịch	21
1.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch	21
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH 26	26
ĐÔNG YÊN TỬ.....	26
2.1. Giới thiệu về khu du lịch Đông Yên Tử	26
2.1.1. Khái quát về Yên Tử	26
2.1.2 Công tác tổ chức quản lý và nhân lực du lịch.....	27
2.2 Thực trạng khai thác du lịch tại khu du lịch Đông Yên Tử.....	32
2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên	32
2.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn.....	36
2.2.3 Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ở Yên Tử.....	41
2.2.5. Thị trường khách	44
2.5.2 Các hoạt động du lịch và doanh thu.....	47

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển khu du lịch Đông Yên Tử.....	50
3.1. Định hướng bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch khu vực Đông Yên Tử	50
3.1.1. Quan điểm và mục tiêu.....	50
3.1.2 Các định hướng chính.....	52
3.2 Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững tại Yên Tử	54
3.2.1 Về thị trường khách du lịch	54
3.2.2. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch đặc thù	55
3.2.3 Về nguồn vốn đầu tư phát triển ngành du lịch.....	57
3.2.4. Quảng bá, xúc tiến du lịch	58
3.2.5. Phối hợp liên ngành, liên địa phương	59
3.2.6. Khắc phục tính thời vụ và duy trì năng lực cạnh tranh du lịch	59
3.2.7. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch.....	60
3.2.8. Bảo vệ môi trường du lịch và phát triển du lịch bền vững.....	61
3.3 Một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch Yên Tử	64
Kết luận	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO	69
PHỤ LỤC.....	70

LỜI CẢM ƠN

Trải qua quá trình gần 4 năm học tập và trau dồi kiến thức tại trường Đại học Dân Lập Hải Phòng được làm đề tài khóa luận tốt nghiệp thực sự là một niềm vinh dự lớn lao đối với em. Đầu tiên cho phép em được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới các thầy cô giáo trong trường đã giảng dạy và truyền đạt cho em những kiến thức, cũng như những kinh nghiệm thực tế.

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ ...đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình học tập cũng như thời gian làm khóa luận.

Đồng thời em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Ban Quản lý khu di tích danh thắng Yên Tử đã tạo điều kiện, cung cấp những số liệu, tình hình thực tế về hoạt động du lịch tại đó giúp em hoàn thành khóa luận của mình.

Tuy nhiên, vì điều kiện thời gian, kiến thức cũng như kinh nghiệm bản thân còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

SINH VIÊN THỰC HIỆN

Trần Quốc Tuấn

Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch ở khu di tích Đông Yên Tử

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch hiện nay được biết đến không chỉ trên khía cạnh văn hóa – xã hội mà trên quan điểm về kinh tế, du lịch đã và đang giữ vai trò kết sức quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế của mỗi quốc gia. Không phải ngẫu nhiên mà trên thế giới hiện nay, du lịch được xem là “ ngành công nghiệp không khói” hay “ngành công nghiệp xanh”. Với lượng đầu tư không nhiều nhưng hiệu quả mang lại đến rất cao, du lịch đang dần chứng tỏ được vị thế của mình khi đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn góp phần vào việc phát triển nền kinh tế quốc gia. Tốc độ tăng trưởng hàng năm cao và liên tục là nguyên nhân chính khiến nhiều nước xem việc phát triển du lịch là một bước đi đúng đắn, là quốc sách trong quá trình thúc đẩy nền kinh tế đi lên

Trong thời kỳ đất nước đang vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì việc phát triển du lịch ở nước ta được xem là “lực đẩy mới” giúp các ngành kinh tế khác phát triển. Hơn nữa, nước ta lại được thiên nhiên ưu đãi cả về mặt tự nhiên và xã hội nên nhu cầu tìm ra hướng đi đúng đắn cho du lịch để phù hợp với tình hình hiện nay là rất quan trọng và cấp bách. Tuy nhiên, bên cạnh việc mở ra những khu du lịch mới thì vấn đề quan tâm hiện nay là làm sao để có thể tận dụng tối đa và hiệu quả những tiềm năng có của các khu du lịch nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương.

Khu di tích và danh thắng Yên Tử, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là một địa danh nổi tiếng đã được rất nhiều du khách biết đến. Với các nguồn tài nguyên có giá trị về mặt tự nhiên (nguồn động, thực vật phong phú) và đặc biệt về mặt nhân văn (Yên Tử là nơi phát tích và cứ địa của Thiền Phái Trúc Lâm, là nơi hội tụ của một số nhân tài kiệt xuất, và là nơi lưu giữ những di tích kiến trúc

lâu đời), khu di tích và danh thắng Yên Tử đã và đang được xem như một “ bảo tàng văn hoá ”, “ bảo tàng thực vật, động vật”, một “báu vật vô giá” của quốc gia. Tuy nhiên trong thời gian qua du lịch Yên Tử vẫn chưa đạt được kết quả tương xứng với tiềm năng vốn có của khu di tích. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để vừa thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch vừa đạt được hiệu quả kinh tế xã hội cao đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vốn có. Từ tình hình đó, qua chuyến đi khảo sát, tìm hiểu về khu di tích và danh thắng Yên Tử, em đã lựa chọn đề tài “*Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch ở khu di tích Đông Yên Tử*” để thực hiện.

Do thời gian nghiên cứu có hạn, tài liệu tham khảo còn ít, trình độ còn hạn chế, kinh nghiệm chưa có nhiều nên khóa luận không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đánh giá và góp ý của thầy cô và bạn bè.

2. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài

Dựa vào cơ sở nghiên cứu đánh giá tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch của khu vực Đông Yên Tử, xác lập cơ sở khoa học cho việc phát triển du lịch

Để thực hiện được mục tiêu trên, đề tài cần tiến hành:

–Nghiên cứu đánh giá tiềm năng du lịch (tự nhiên và nhân văn) ở khu vực Đông Yên Tử.

–Đánh giá hiện trạng hoạt động du lịch ở khu vực Đông Yên Tử và nhận xét tình hình phát triển du lịch tại Đông Yên Tử

–Đề xuất các định hướng và xây dựng các giải pháp cho việc phát triển bền vững tại khu du lịch Đông Yên Tử.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

–Đối tượng nghiên cứu: tập trung nghiên cứu về tài nguyên, tiềm năng du lịch, thực trạng bảo tồn và phát triển du lịch khu vực Đông Yên Tử

–Phạm vi nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu trong khu di tích và danh thắng Yên Tử thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, khoá luận đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, bổ sung cho nhau nhằm tạo điều kiện để khoá luận đạt hiệu quả một cách khách quan và có cơ sở khoa học. Đó là: Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu, phương pháp tổng hợp và so sánh

5. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, khoá luận được cấu trúc thành 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn phát triển du lịch
- Chương 2: Thực trạng hoạt động du lịch tại khu du lịch Đông Yên Tử
- Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển khu du lịch Đông Yên Tử

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1 Cơ sở lý luận về du lịch

1.1.1. Khái niệm về du lịch

Ngày nay du lịch đã thực sự trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay nhận thức về du lịch vẫn chưa được thống nhất. Do hoàn cảnh khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người cũng sẽ có cách hiểu khác nhau về du lịch. Đúng như một chuyên gia du lịch nhận định: “Đối với du lịch có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”

Theo quan điểm của học giả Guer Freuler thì “ Du lịch là quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương đến một nơi khác với mục đích chủ yếu là được cảm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo, khác lạ với quê hương, không nhằm mục đích sinh lời ”

Học giả Azar thì nhận thấy “Du lịch là một trong những hình thức di chuyển tạm thời từ vùng đất này sang vùng đất khác, từ một nước này sang một nước khác nếu không gắn với sự thay đổi nơi cư trú hay nơi làm việc”

Cho rằng du lịch không chỉ là hiện tượng di chuyển của cư dân mà phải là tất cả những gì có liên quan đến sự di chuyển đó Kaspar đưa ra định nghĩa “Du lịch là toàn bộ những quan hệ và hiện tượng xảy ra trong quá trình di chuyển và lưu trú của con người tại nơi không phải là nơi ở thường xuyên hoặc nơi làm việc của họ”

Tuy nhiên, dưới con mắt của các nhà kinh tế, du lịch không chỉ là một hiện tượng xã hội đơn thuần mà nó còn phải gắn chặt với hoạt động kinh tế. Học giả Kalfiotis cho rằng “Du lịch là sự di chuyển tạm thời của cá nhân hay tập thể từ nơi ở đến một nơi khác nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần, đạo đức, do đó tạo nên các hoạt động kinh tế”. Du lịch là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về mọi mặt, góp phần phát triển nền kinh tế của đất nước thông qua thức hiện “xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tại chỗ” thu ngoại tệ, cải thiện cán cân

thanh toán quốc tế, thực hiện tái phân chia nguồn thu nhập giữa các tầng lớp dân cư và giữa các vùng trong nước về kinh tế xã hội. Mặt khác hoạt động du lịch có tính liên ngành, liên vùng cao bởi lẽ nó liên quan tới nhiều ngành, nhiều cấp địa phương như Ngoại giao, Văn hóa, Công an, Hàng không, các địa phương... Nó tạo việc làm và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Không chỉ các nhà kinh tế, các chuyên gia nghiên cứu về du lịch thuộc các lĩnh vực khác như địa lí cũng thấy yếu tố kinh tế là yếu tố không thể thiếu được trong khái niệm du lịch. Theo nhà địa lý học Michaud: “Du lịch là tập hợp những hoạt động sản xuất và tiêu thụ phục vụ cho việc đi lại và ngủ lại ít nhất một đêm ngoài nơi ở thường ngày với lý do giải trí, kinh doanh, sức khỏe, hội họp, thể thao hoặc tôn giáo.

Với mục đích quốc tế hóa, tại hội nghị Liên Hợp Quốc về du lịch họp ở Rome năm 1963, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa như sau về du lịch: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt đầu từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải nơi làm việc thường xuyên của họ”.

Khái niệm của tổ chức du lịch thế giới (WTO – 1990): “Du lịch là một tập hợp các hoạt động và các dịch vụ đa dạng liên quan đến việc di chuyển tạm thời của con người ra khỏi nơi cư trú thường xuyên của họ nhằm mục đích tiêu khiển, nghỉ ngơi, dưỡng sức...và nhìn chung những lý do đó không phải nhằm mục đích kiếm sống”.

Theo luật du lịch Việt Nam (2005): “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”.

Như vậy, có khá nhiều khái niệm nhưng tổng hợp lại ta thấy du lịch hàm chứa những nội dung tiêu biểu sau:

Du lịch là một hiện tượng kinh tế xã hội;

Du lịch là sự di chuyển và tạm thời rời khỏi nơi cư trú thường xuyên của các cá nhân hoặc tập thể nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của họ;

Du lịch là tập hợp các hoạt động kinh doanh phong phú đa dạng nhằm phục vụ cho các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời và các nhu cầu khác của cá nhân hoặc tập thể khi họ ở ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ;

Các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời của cá nhân hoặc tập thể đó đều đồng thời có một số mục đích nhất định, trong đó có mục đích hòa bình.

1.1.2. Khái niệm về khách du lịch

Khách du lịch là những người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, đi làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập nơi đến. (theo pháp lệnh du lịch Việt Nam ban hành 1999)

1.1.3. Khái niệm khu du lịch

* **Khu DL:** là nơi có tài nguyên DL hấp dẫn với ưu thế về tài nguyên DL tự nhiên, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách DL, đem lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường.

* **Đặc điểm khu DL:**

- *Khu du lịch cấp địa phương:*

+ Có tài nguyên DL hấp dẫn, có khả năng thu hút khách DL.

+ Có diện tích tối thiểu 200 ha, trong đó có diện tích cần thiết để xây dựng các công trình, cơ sở dịch vụ DL.

+ Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật DL, cơ sở lưu trú và dịch vụ DL cần thiết phù hợp với đặc điểm của địa phương, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một trăm nghìn lượt khách DL một năm.

- *Khu DL cấp quốc gia:*

+ Có tài nguyên DL đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên, có khả năng thu hút lượng khách DL cao.

+ Có diện tích tối thiểu một 1000 ha, trong đó có diện tích cần thiết để xây dựng các công trình, cơ sở dịch vụ DL phù hợp với cảnh quan, môi trường của KDL; trường hợp đặc biệt mà diện tích nhỏ hơn thì cơ quan quản lý nhà nước về DL ở Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật DL đồng bộ, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một triệu lượt khách DL một năm, trong đó có cơ sở lưu trú và dịch vụ DL cần thiết phù hợp với đặc điểm của KDL.

1.1.4. Khái niệm về tài nguyên du lịch

1.1.4.1. Định nghĩa

Tài nguyên du lịch được xem là tiền đề để phát triển du lịch. Tài nguyên du lịch càng phong phú, đặc sắc thì càng có sức hút với du khách.

Theo luật du lịch Việt Nam: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

1.1.4.2. Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có thể phân thành 2 nhóm:

❖ **Tài nguyên du lịch tự nhiên:** là các đối tượng, hiện tượng trong môi trường tự nhiên xung quanh chúng ta được đưa vào việc phục vụ cho mục đích du lịch. Các thành phần tự nhiên với tư cách là tài nguyên du lịch có tác động mạnh nhất đến hoạt động này là địa hình, khí hậu, nước, động – thực vật.

Địa hình:

Địa hình là một yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phong cảnh và sự đa dạng phong cảnh nơi đó. Đối với du lịch, các dấu hiệu bên ngoài của địa hình càng đa dạng và đặc biệt thì càng có sức thu hút du khách.

Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi, đồi, đồng bằng, chúng được phân biệt bởi sự chênh cao của địa hình

Khí hậu:

Khí hậu cũng được coi là một dạng tài nguyên du lịch. Trong các chỉ tiêu về khí hậu, đáng lưu ý nhất là 2 chỉ tiêu: nhiệt độ và độ ẩm không khí. Nhưng cũng phải tính đến các yếu tố khác như: áp suất khí quyển, gió, ánh nắng mặt trời, các hiện tượng thời tiết đặc biệt. Mỗi loại hình du lịch thường đòi hỏi

những điều kiện khí hậu khác nhau. Như vậy, ở mức độ nhất định cần phải chú ý đến hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở kế hoạch du lịch. Tính mùa của khí hậu ảnh hưởng mạnh mẽ đến tính mùa của du lịch. Sự phụ thuộc chặt chẽ vào khí hậu du lịch có thể diễn ra quanh năm hoặc một vài tháng.

Mùa du lịch cả năm thích hợp với loại hình du lịch suối khoáng, du lịch trên núi...

Mùa đông là du lịch trên núi, du lịch thể thao, nghỉ đông.

Mùa hè là mùa du lịch quan trọng vì nó có thể phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch biển, các loại hình du lịch trên núi, đồng bằng, khả năng du lịch ngoài trời rất phong phú và đa dạng.

Nguồn nước:

Bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm. Đối với du lịch có ý nghĩa rất quan trọng. Nó bao gồm đại dương, sông ngòi, suối phun và thác nước...

Tài nguyên nước trên mặt không chỉ có chức năng phục hồi trực tiếp mà còn ảnh hưởng đến nhiều thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt là nó làm dịu đi khí hậu ven bờ.

Nước ngầm nhìn chung ít có giá trị với du lịch hơn. Tuy nhiên, cần phải nói đến tài nguyên nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị an dưỡng và chữa bệnh.

Sinh vật:

Việc du lịch đến những nơi có phong cảnh đẹp, thiên nhiên trong lành là cách nghỉ ngơi tốt nhất. Giờ đây sống trong môi trường phát triển có những điều kiện thuận lợi do con người tạo ra, đồng thời môi trường ngày càng bị ô nhiễm, biến đổi bất lợi cho cuộc sống của con người. Về tài nguyên sinh vật, rừng không chỉ có ý nghĩa lớn về mặt sinh thái, kinh tế mà còn có ý nghĩa lớn về mặt du lịch. Tất nhiên, không phải mọi đối tượng tài nguyên động thực vật đều là đối tượng tham gia phục vụ du lịch.

Về phương diện tài nguyên du lịch cần chú ý đến các khu bảo tồn thiên nhiên. Nước ta đã thành lập được 105 khu bảo vệ tự nhiên, 27 vườn quốc gia, 44 khu bảo tồn tự nhiên, 34 khu rừng văn hóa lịch sử...

❖ **Tài nguyên du lịch nhân văn:** là đối tượng, hiện tượng do con người tạo ra trong suốt quá trình lịch sử tồn tại và có giá trị phục vụ cho nhu cầu du lịch. Nhóm tài nguyên này có giá trị nhận thức hơn giá trị giải trí, ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, thường tập trung ở các khu vực quần cư và thu hút khách có trình độ văn hóa, nhận thức cao hơn.

Nhìn chung, tài nguyên du lịch nhân văn có những đặc tính cơ bản như:

- Mang tính phổ biến
- Mang tính tập trung dễ tiếp cận
- Có tính truyền đạt nhận thức nhiều hơn là hưởng thụ, giải trí

Các loại tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm:

- Các di sản văn hóa thế giới và các di tích lịch sử - văn hóa:

Các di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử - văn hóa được xem là những tài nguyên DL nhân văn quan trọng nhất. Đây là nguồn lực để phát triển và mở rộng các hoạt động DL. Qua các thời đại, di sản văn hóa thế giới và các di tích lịch sử - văn hóa đã chứng minh cho những sáng tạo to lớn về văn hóa, tôn giáo và xã hội loài người.

- Lễ hội:

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu giúp cho người tham dự có điều kiện tiếp xúc với những bí ẩn vừa mơ, vừa thực. Lễ hội có sự lôi cuốn đông đảo người tham gia và trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân và là tài nguyên DL hấp dẫn du khách.

Các lễ hội thường bao gồm 2 phần là nghi lễ và phần hội: Phần nghi lễ là phần mở đầu cho các lễ hội với những nghi thức nghiêm trang, trọng thể. Phần hội diễn ra những hoạt động tiêu biểu, điển hình cho tâm lí và văn hóa cộng đồng, chứa đựng những quan niệm của một dân tộc về thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên.

- Các đối tượng DL gắn với dân tộc:

Mỗi một dân tộc có điều kiện sinh sống, đặc điểm văn hóa, phong tục tập

quán, hoạt động sản xuất mang sắc thái riêng của các dân tộc trên địa bàn cư trú của mình.

Mỗi dân tộc trên thế giới có tập tục riêng về cư trú, về tổ chức xã hội, về sinh hoạt, trang phục và ẩm thực, về ca múa nhạc... Tất cả những điều kiện đó đã làm nên nét văn hóa độc đáo, có sức hấp dẫn khách DL rất lớn.

- Làng nghề thủ công truyền thống:

Nghề thủ công truyền thống cũng là loại tài nguyên DL nhân văn quan trọng và có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Thông thường, nghề thủ công truyền thống với những sản phẩm độc đáo không chỉ thể hiện tài khéo léo của nhân dân lao động mà còn thể hiện những tư duy triết học, những tâm tư tình cảm của con người. Đây chính là những đặc tính riêng của nền văn hóa và là sức hấp dẫn của các làng nghề truyền thống đối với khách DL.

- Các đối tượng văn hóa, thể thao và hoạt động nhận thức khác:

Những đối tượng văn hóa như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện, các bảo tàng, ... đều có sức thu hút khách DL đến tham quan và nghiên cứu.

- Ngoài ra, những hoạt động mang tính sự kiện như các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, các liên hoan phim quốc tế, các lễ hội điển hình, ... cũng là những đối tượng thu hút khách DL.

1.1.5. Một số loại hình du lịch

*** Du lịch tâm linh**

Quan niệm về du lịch tâm linh: DL tâm linh trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng có những quan niệm khác nhau và đến nay vẫn chưa có một khái niệm chung nhất. Tuy nhiên, xét về nội dung và tính chất hoạt động, DL tâm linh thực chất là loại hình DL văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh vừa làm cơ sở vừa làm mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người trong đời sống tinh thần. Theo cách nhìn nhận đó, DL tâm linh khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động DL, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị

ting thần đặc biệt khác. Theo đó, DL tâm linh mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi DL.

Đặc điểm du lịch tâm linh ở Việt Nam:

- DL tâm linh gắn với tôn giáo và đức tin, trong đó Phật giáo có số lượng lớn nhất (chiếm tới 90%) cùng tồn tại với các tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Cao đài, Hòa Hảo..

- DL tâm linh gắn với tín ngưỡng thờ cúng, tri ân những vị anh hùng dân tộc, những vị tiền bối có công với nước, dân tộc trở thành DL về cội nguồn dân tộc với đạo lí uống nước nhớ nguồn.

- DL tâm linh gắn tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, dòng tộc, tri ân báo hiếu đối với bậc sinh thành.

- DL tâm linh gắn với những hoạt động thể thao tinh thần như thiền, Yoga hướng tới sự cân bằng, thanh tao, siêu thoát trong đời sống tinh thần, đặc trưng và tiêu biểu ở Việt Nam mà không nơi nào có đó là Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

- Ngoài ra, DL tâm linh ở Việt Nam còn có những hoạt động gắn với yếu tố linh thiêng và những điều huyền bí.

*** Du lịch sinh thái**

- Định nghĩa về DL sinh thái ở Việt Nam: *“DL sinh thái là loại hình DL dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”*

- Bản chất của DL sinh thái:

+ Là một hình thức DL tự nhiên mang tính khai sáng, góp phần bảo tồn hệ sinh thái mà vẫn tôn trọng sự hoà nhập của các cộng đồng địa phương.

+ Là một lĩnh vực đặc biệt của DL nói chung có đặc trưng là qua những chuyến đi, du khách được tiếp xúc với thiên nhiên bằng phương tiện quan sát

đơn giản hay những nghiên cứu có tính hệ thống.

*** Du lịch văn hóa**

- Là loại hình DL mà du khách muốn được cảm nhận bề dày văn hóa của một nước, một vùng thông qua các di tích lịch sử, văn hóa, những phong tục tập quán, lễ hội còn hiện diện.

- DL văn hóa còn được hiểu:

+ Là tổng của cái vật chất và của cái tinh thần có liên quan đến DL.

+ Là kết quả tác động lẫn nhau giữa chủ thể DL (du khách), khách thể DL (tài nguyên DL) với môi giới DL (ngành DL).

+ Một loại hình thái văn hóa của đời sống DL.

+ Một loại hình thái văn hóa đặc thù, lấy văn hóa giá trị nội tại của văn hóa chung làm chỗ dựa, lấy các yếu tố DL làm công tác DL tích lũy và sáng tạo ra trong hoạt động DL.

*** Du lịch nghiên cứu – học tập**

- Du lịch nghiên cứu - học tập là loại hình DL kết hợp với học tập, nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết thực tế về địa lí, địa chất, lịch sử, khảo cổ, môi trường, sinh học, khoa học, DL... cho khách DL.

- Đặc điểm cơ bản:

+ Khách DL: chủ yếu là các nhà khoa học, học sinh, sinh viên có nhu cầu tìm hiểu thực tế, phục vụ nghiên cứu khoa học.

+ Cơ sở hạ tầng: các nhà cung ứng dịch vụ thường xây dựng những phòng học ngoài trời được thiết kế phù hợp với từng nội dung học tập. Các điểm đến DL có đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc tìm hiểu, quan sát, phân tích, nghiên cứu....

+ Thời gian lưu trú: tùy vào đối tượng, mục đích nghiên cứu, học tập mà thời gian lưu trú có thể là ngắn ngày hay dài ngày. Đa số học sinh, sinh viên tham gia DL thường lưu trú trong thời gian ngắn để tìm hiểu thực tế, làm báo cáo môn học... Còn các nhà khoa học thường có thời gian lưu trú dài ngày để làm các công trình nghiên cứu khoa học.

- Hướng dẫn viên DL: đa số hướng dẫn viên DL là các thầy cô giáo phụ trách chuyên môn, các chuyên gia hoặc người dân địa phương, hướng dẫn viên có kiến thức sâu rộng về điểm đến DL.

- Điểm đến DL: thường là các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, viện hải dương học, các khu di tích lịch sử, các bảo tàng, công trình kiến trúc, các khu giải trí....

*** Du lịch MICE**

- MICE là cụm từ viết tắt theo các chữ cái đầu tiếng Anh của các từ: Meeting (gặp gỡ, hội họp), Incentive (khen thưởng), Convention/ Conference (hội nghị/ hội thảo) và Exhibition/ Event (triển lãm, sự kiện). Như vậy, MICE tour là sự kết hợp của Meeting tour, Incentive tour, Convention tour và Exhibition tour, hay nói cách khác, MICE tour là một loại hình DL kết hợp hội nghị, hội họp, khen thưởng, triển lãm, sự kiện được kinh doanh bởi các công ty, các doanh nghiệp DL có tiếng tăm, uy tín và năng lực chuyên môn cao cũng như bởi các tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị có chức năng và thẩm quyền.

- Đặc trưng của DL MICE là loại hình DL có sự kết hợp với một hoặc nhiều hoạt động hội nghị, hội thảo, gặp gỡ, khen thưởng, triển lãm, sự kiện nổi bật ở một vùng, một quốc gia nhất định. Cũng như các loại hình DL khác, du lịch MICE có những đặc trưng riêng của mình.

*** Du lịch trọn gói**

- DL trọn gói là loại hình DL mà du khách muốn tham gia vào một tuyến DL với một số tiền nhất định, trong đó bao gồm tất cả các loại dịch vụ mà công ty hành liên kết với các đơn vị kinh doanh khác nhằm cung cấp cho du khách như lưu trú, vận chuyển, ăn uống, hướng dẫn, bảo hiểm, tham quan... trong toàn bộ chuyến đi.

- Đặc điểm cơ bản:

+ Bao gồm hầu hết các thành phần dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, hướng dẫn và các dịch vụ khác đã được sắp đặt trước ở mức độ tối đa.

+ Giá trọn gói của tất cả các dịch vụ, chi phí thường thấp hơn so với dịch vụ cùng loại của các chương trình DL khác. Giá tính theo đầu khách ở buồng đôi, giá theo thời vụ DL.

+ Khách mua chương trình được tổ chức thành đoàn và hướng dẫn viên chuyên nghiệp được doanh nghiệp lựa chọn đi cùng khách và phục vụ suốt từ khi đón khách cho đến khi tiễn khách.

1.1.6. Sản phẩm du lịch

1.1.6.1 Khái niệm về sản phẩm du lịch (SPDL)

Việc nghiên cứu vấn đề đa dạng hóa SPDL trước hết chúng ta cần làm rõ khái niệm. SPDL là tổng thể những yếu tố có thể trông thấy hoặc không trông thấy được, làm thỏa mãn nhu cầu cho du khách trong hoạt động DL. Những tài nguyên thiên nhiên (bãi biển, núi rừng, sông suối, khí hậu, không gian thiên nhiên...) cũng như các cơ sở vật chất (khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí...) bản thân chúng không phải là SPDL, nhưng chúng lại trở thành SPDL khi mà các sản phẩm đó được sử dụng phục vụ cho nhu cầu của du khách. Thông thường người ta phân biệt ba mức độ trong khái niệm của một SPDL:

- **SPDL chính:** SPDL chính trả lời cho câu hỏi du khách thực sự muốn gì, sản phẩm chính không phải là xác định theo thành phần chính của sản phẩm mà là dựa vào nhu cầu cần thỏa mãn chính của du khách hoặc là phần lợi ích của sản phẩm này khác với các sản phẩm cạnh tranh khác.

- **SPDL hình thức:** SPDL hình thức tương ứng với sản phẩm mà nó có mặt lúc mua hoặc chọn lựa. Nó là sản phẩm cốt yếu được cụ thể hóa bằng những yếu tố hoặc những dịch vụ rõ ràng như khách sạn, nhà hàng, trang thiết bị. Nó không còn là một sản phẩm ở trong khái niệm mà là một thành phẩm được thương mại hóa và được du khách tiêu thụ. Chẳng hạn, nếu sản phẩm cốt yếu là một sân golf thì sản phẩm hình thức là toàn bộ khách sạn và dịch vụ thương mại phục vụ cho chơi golf cũng như những đặc tính kỹ thuật liên quan đến chơi golf.

- **SPDL mở rộng:** SPDL mở rộng là toàn bộ những yếu tố liên quan đến du khách, là tổng thể các yếu tố nhìn thấy cũng như không nhìn thấy được cung cấp cho du khách. SPDL mở rộng đó là hình ảnh hay đặc tính của sản phẩm mà du khách cảm nhận được. Hình ảnh đó bao gồm những yếu tố vật lý như kiến trúc, cảnh quan, màu sắc... và những yếu tố tâm lý như bầu không khí, lối sống, sự sang trọng, đẳng cấp xã hội...

1.1.6.2 Những đặc tính của sản phẩm du lịch

Tính nhìn thấy được và không nhìn thấy được

- SPDL bao gồm một tập hợp các yếu tố nhìn thấy được chủ yếu là:

+ Tài nguyên thiên nhiên như: khí hậu, cảnh quan, núi rừng, sông suối, hồ, thác... Mỗi một địa phương đều có những đặc điểm riêng về điều kiện tự nhiên, điều này góp phần tạo nên nét đặc thù độc đáo cho các SPDL.

+ Cơ sở vật chất cơ bản như: khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí. Đây là những cơ sở vật chất mà du khách sử dụng trong thời gian đi DL của mình.

+ Những sản phẩm liên quan: phương tiện vận chuyển, các đặc sản, hàng lưu niệm...

- Các yếu tố không nhìn thấy được chia làm hai loại:

+ Các dịch vụ DL: dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ hướng dẫn, dịch vụ mua sắm... Các dịch vụ này rất quan trọng trong quá trình đa dạng hóa các SPDL. Để có được dịch vụ DL tốt trước hết phải có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

+ Những yếu tố tâm lý như: sự sang trọng, đẳng cấp xã hội, bầu không khí, tiện nghi, nếp sống thanh lịch... Khi đời sống xã hội ngày càng cao, du khách rất chú trọng đến những nhu cầu này.

Tính đa dạng của các thành phần

Thông thường các SPDL có nhiều yếu tố cấu thành như: hạ tầng cơ sở vật chất, các loại dịch vụ... Chính sự đa dạng này đôi khi là một trở ngại cho việc phối hợp và hoàn chỉnh giữa các bộ phận khác nhau, thậm chí gây tổn thất cho SPDL. Phần nhiều, SPDL không thu tóm hết cả chiều dọc lẫn chiều ngang vào một tổ chức duy nhất mà phần lớn là kết quả của sự chấp thuận giữa những thành viên liên quan mà quyền lợi đôi khi khác nhau, thậm chí còn có tính tranh chấp. Một trong những điều kiện tiên quyết để đưa ra một SPDL tốt là sự kết hợp hài hòa giữa các thành viên: cơ quan quản lý, cộng đồng địa phương, chủ khách sạn, chủ nhà hàng, các thương gia và tất cả những người cung cấp các loại dịch vụ liên quan. Vì thế, phải làm sao cho các mục tiêu của các thành viên gần

gửi lại và bổ sung lẫn nhau, xác định và đánh giá đúng phần tham gia của mỗi thành viên trong tổng thể của SPDL, phải xác định vị trí của SPDL và các thị trường mục tiêu để mọi người cùng chấp thuận, phát huy mọi hoạt động tiếp thị của các thành viên.

Những tính đặc thù của sản phẩm du lịch

SPDL là một dịch vụ đặc biệt, là những sản phẩm dịch vụ mà bản thân chúng không hề bị tiêu hủy sau khi du khách sử dụng. Tính đặc biệt của SPDL được thể hiện ở một số đặc điểm sau:

- Sự tham gia của du khách là cần thiết để thực hiện dịch vụ. DL đòi hỏi phải có du khách để tồn tại.
- SPDL không thể để tồn kho. Bởi vì, một phòng của khách sạn, một chỗ ngồi trên máy bay không bán được thì không thể cất giữ vào kho.
- Tính không co giãn của cung so với cầu làm cho người ta không thể tăng cung của SPDL trong ngắn hạn.
- SPDL không phải là một loại sản phẩm có thể di chuyển về các thị trường tiêu thụ, mà trái lại các thị trường phải di chuyển về hướng SPDL. Chính vì vậy công tác tuyên truyền và quảng bá các SPDL vô cùng quan trọng.

1.1.6.3. Những yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch

Những yếu tố cấu thành cơ bản

Cũng như tất cả những sản phẩm khác, SPDL gồm nhiều yếu tố kết hợp với nhau để đáp ứng cho thị trường mục tiêu, thỏa mãn tối đa nhu cầu của du khách. SPDL bao gồm những yếu tố cơ bản như sau:

- Tài nguyên thiên nhiên: khí hậu, cảnh đẹp thiên nhiên, núi rừng, bãi biển, sông suối...
- Tài nguyên nhân văn: các di sản văn hóa, di tích lịch sử, phong tục tập quán, các lễ hội, công trình kiến trúc lịch sử, công trình kiến trúc tôn giáo...
- Các cơ sở vật chất phục vụ ngành DL: khách sạn, nhà hàng, công viên, khu vui chơi giải trí...
- Hệ thống phương tiện giao thông phục vụ DL: máy bay, tàu lửa, ô tô, xe bus, taxi, tàu thủy, thuyền...

- Các cơ sở hạ tầng phục vụ DL: hệ thống giao thông, điện, nước, bưu chính viễn thông, y tế...

- Môi trường kinh tế và xã hội: giá cả liên quan đến hoạt động DL, an toàn xã hội, trình độ dân trí, văn minh đô thị...

Môi trường kế cận

Những yếu tố thiên nhiên là nguồn để tạo nên SPDL, đòi hỏi chúng phải được bao bọc bởi những vùng đệm chung quanh thật lôi cuốn, có như vậy mới tạo nên những SPDL đa dạng, giá trị và bền vững. Đây sẽ là nơi mở rộng thêm các loại hình DL khác phục vụ nhu cầu tiềm ẩn của du khách.

Dân cư địa phương

DL tạo điều kiện cho du khách tiếp xúc với dân cư địa phương. Thông thường du khách và dân địa phương có những lối sống và văn hóa khác nhau. Mỗi quan hệ giữa họ có thể làm phát sinh mâu thuẫn. Cho nên, thái độ của dân địa phương ảnh hưởng lớn đến sự cảm nhận của du khách đối với SPDL. Phần lớn, DL gồm những yếu tố kích thích tâm hồn và cảm xúc. Những khía cạnh như bầu không khí, cách cư xử, sự thân thiện là những yếu tố quyết định trong việc đánh giá một SPDL. Đây là vấn đề không nên coi nhẹ trong quá trình đa dạng hóa SPDL.

Các dịch vụ công cộng phục vụ du lịch

Những yếu tố cơ bản của SPDL thường khó thay đổi, trong khi đó dịch vụ công cộng lại có thể dễ dàng thay đổi và chính các yếu tố đó đã góp phần to lớn nâng cao chất lượng SPDL, gia tăng độ thỏa dụng cho du khách. Việc xây dựng một trung tâm hội nghị trong thành phố, một khu vui chơi giải trí, một khu thể thao, một công viên, trồng nhiều cây xanh trong thành phố... là những nhân tố làm thay đổi SPDL của một thành phố hoặc một điểm DL.

Cơ sở lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ thương mại

Du khách là những người ra khỏi nhà ở của mình trong một thời gian nhất định, tạm thời rời bỏ công việc bận rộn của mình tìm đến một nơi để nghỉ ngơi, thư giãn. Du khách có thể ở trong khách sạn, quán trọ hoặc ở trong các lều trại. Cơ sở lưu trú, nhà hàng sẽ là những yếu tố quan trọng làm tăng thêm giá trị cho

SPDL. Có những cảnh quan thiên nhiên tuyệt vời, có khí hậu trong lành, mát mẻ bên cạnh là các khách sạn, nhà hàng sang trọng, ẩm cúng, chắc chắn sẽ tạo ra các SPDL có giá trị cho du khách.

Kết cấu hạ tầng giao thông

DL hàm ý một sự di chuyển của du khách ra khỏi nhà để đến chỗ lưu trú. Cho nên, các phương tiện giao thông, đường sá, sân bay, bến cảng... là những yếu tố vô cùng quan trọng để việc di chuyển đó có thể diễn ra trong những điều kiện tốt nhất (ít mệt, ít tốn thời gian) và chi phí thấp nhất. Những phương tiện đi lại trong trung tâm thành phố như xe bus, taxi, xích lô... và các điều kiện đi lại khác, là những vấn đề không thể coi thường bên trong SPDL.

1.1.7. Phát triển bền vững

Cụm từ “phát triển bền vững” có nguồn gốc từ thực tiễn quản lý rừng ở Đức vào thế kỷ XIX, nhưng mãi đến thập niên 80 của thế kỷ XX mới được phổ biến rộng rãi. Năm 1980, IUCN cho rằng: *“Phát triển bền vững phải cân nhắc đến việc khai thác các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo, đến các điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn trong việc tổ chức các kế hoạch hành động ngắn hạn và dài hạn đan xen nhau”*

Năm 1987, WCED (Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới) do bà Groharlem Brundtland thành lập đã công bố thuật ngữ “phát triển bền vững” trong báo cáo “tương lai của chúng ta” như sau: *“Phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của những thế hệ mai sau”*.

Theo hội nghị thượng đỉnh về Trái Đất năm 1992, được tổ chức Rio DeJaneiro thì: *“Phát triển bền vững được hình thành trong sự hoà nhập, xen cài và thoả hiệp giữa ba hệ thống là hệ tự nhiên, hệ kinh tế và hệ xã hội”*.

Ngày nay, hầu như tất cả các quốc gia đều đề cập đến “phát triển bền vững” trong quá trình hoạch định chính sách và quản lý phát triển kinh tế với ý muốn nhấn mạnh phương thức và việc sử dụng có trách nhiệm các nguồn lực của sự phát triển.

Đối với Việt Nam, “phát triển bền vững” được thể hiện trong chỉ thị 36/CT của Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 25 – 6 – 1998: Mục tiêu và các quan điểm cơ bản của phát triển bền vững chủ yếu dựa vào hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý tài nguyên như một cấu thành không thể tách rời của phát triển bền vững.

1.1.8. Phát triển du lịch bền vững

*** Khái niệm du lịch bền vững (DLBV)**

Du lịch bền vững (DLBV) được xuất hiện vào năm 1996 trên cơ sở cải tiến và nâng cấp khái niệm về DL mềm của những năm 90 và thật sự gây được sự chú ý rộng rãi. Mặc dù chưa đạt đến giai đoạn chín muồi, nhưng nó cũng thể hiện được điểm đặc trưng cơ bản của DLBV.

“DLBV là việc di chuyển và tham quan đến các vùng tự nhiên một cách có trách nhiệm với môi trường để tận hưởng và đánh giá cao tự nhiên, các đặc điểm văn hoá kèm theo (có thể là cả trong quá khứ và hiện tại) theo cách khuyến cáo về bảo tồn, có tác động thấp từ du khách và mang lại những lợi ích cho sự tham gia chủ động về kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương” (World Conservation Union, 1996). Cũng trong thời gian này, Hội đồng DL và lữ hành quốc tế khái niệm: *“DLBV là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng DL mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ tương lai”*.

*** Phát triển du lịch bền vững**

Theo quan điểm của Tổng cục DL Việt Nam, phát triển DL phải được định hướng và quản lý theo phương châm: kết hợp hài hoà nhu cầu của hiện tại và tương lai trên cả hai góc độ sản xuất và tiêu dùng DL; khai thác, sử dụng hợp lý và phát triển tài nguyên DL tự nhiên; chú trọng bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị của tài nguyên DL nhân văn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; tránh hiện đại hoá hoặc làm biến dạng môi trường, cảnh quan di tích; xây dựng và giữ gìn môi trường xã hội lành mạnh; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đặc biệt là ở các đô thị DL và các điểm tham quan DL.

Như vậy, DLBV không phải là trào lưu DL mà đó là cương lĩnh phát triển

DL của thời đại.

1.2 Cơ sở thực tiễn về phát triển du lịch

1.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch

1.2.1.1. Các nhân tố bên trong

*** Tài nguyên du lịch**

Tài nguyên DL là điều kiện cần thiết phải có để phát triển một hoặc một số loại hình DL nào đó. Tài nguyên DL mang tính khách quan và có vai trò rất lớn để phát triển DL của một quốc gia hay một địa phương. Việc tổ chức lãnh thổ là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong việc nghiên cứu DL, bởi vì không thể tổ chức và quản lý có hiệu quả hoạt động này nếu không xem xét khía cạnh vai trò của tài nguyên DL đối với phát triển DL. Du lịch là ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt, tài nguyên ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành DL. Quy mô hoạt động DL của một khu, một vùng được xác định trên cơ sở khối lượng tài nguyên DL. Sức hấp dẫn của một khu, một vùng DL phụ thuộc nhiều vào tài nguyên DL, số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển DL của một khu hay một vùng đó. Một lãnh thổ có nhiều tài nguyên DL, với các loại có chất lượng cao, có sức hấp dẫn và mức độ kết hợp các loại tài nguyên phong phú thì sức thu hút khách DL càng mạnh. Tài nguyên DL được chia làm 2 loại: tài nguyên DL tự nhiên và tài nguyên DL nhân văn.

*** Dân cư và lao động**

Dân cư là nhân tố quan trọng đối với hoạt động DL: vừa là lực lượng sản xuất, vừa là lực lượng tiêu thụ gắn với nhu cầu nghỉ ngơi, DL. Dân số càng đông, lực lượng lao động tham gia càng nhiều thì DL càng có điều kiện phát triển.

*** Các nhân tố chính trị, chính sách**

Để phát triển DL, ngoài tài nguyên là cơ sở quan trọng, thì yếu tố con người và cơ chế có ý nghĩa quyết định:

- Yếu tố chính trị có vai trò quan trọng trong việc phát triển DL ở một địa

phương hay một quốc gia nào đó. Chính trị ổn định, an ninh trật tự đảm bảo an toàn cho du khách thì DL mới phát triển, mang lại hiệu quả cao. Và ngược lại, một địa phương hay quốc gia mà chính trị bất ổn định thì chẳng ai dám đến tham quan và ngành DL sẽ không phát triển được.

- Chính sách phát triển DL nói riêng và chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung của mỗi địa phương, mỗi quốc gia có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của ngành DL. Đặc biệt trong lĩnh vực kêu gọi đầu tư, nếu chính sách mở cửa thông thoáng, hướng tới hội nhập cùng phát triển thì sẽ có nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm cung cấp nguồn vốn giúp ngành DL phát triển mạnh. Từ đó, dịch vụ DL sẽ phát triển phong phú với nhiều loại hình và sản phẩm DL, lượng du khách tăng làm tăng doanh thu DL mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nếu địa phương hoặc quốc gia không có những chính sách mở cửa, ưu đãi, giảm thuế cho các doanh nghiệp và các nhà đầu tư thì DL của địa phương, quốc gia đó sẽ gặp khó khăn trong việc phát triển để cạnh tranh với những nơi khác.

Ngành DL là ngành mang tính chất quốc tế hoá cao, cần có sự liên kết các nước, hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc. Không thể phát triển DL trong một nước, một khu vực mà cần mở rộng trên tất cả các quốc gia.

*** Cơ quan điều khiển và lực lượng lao động du lịch**

Tổ chức quản lý nhà nước và nguồn lao động DL là nguồn tài nguyên giữ vai trò quan trọng và mang tính quyết định của sự phát triển DL mỗi quốc gia, mỗi địa phương.

Ở các địa phương có bộ máy quản lý nhà nước DL hoàn hảo, chuyên môn nghiệp vụ cao, phẩm chất tốt làm việc hiệu quả thì ngành DL phát triển tốt. Số lượng, chất lượng, phẩm chất của người lao động trong ngành DL cũng rất quan trọng, họ quyết định đẳng cấp của SPDL và thu hút được khách DL. Chính vì điều đó, mỗi quốc gia và mỗi địa phương cần có chiến lược phát triển, bồi dưỡng, sử dụng nhân lực phù hợp, đúng đắn để phát triển DL.

*** Cơ sở hạ tầng**

Bao gồm giao thông, điện, nước, phương tiện thông tin... là tiền đề cho

mọi hoạt động kinh tế, trong đó có DL. Đây là nguồn lực quan trọng, tạo sức hấp dẫn đối với du khách và thuận lợi cho phát triển DL.

Trong các điều kiện, cơ sở hạ tầng giao thông là quan trọng nhất trong hoạt động DL vì:

- + Đảm bảo sự di chuyển của con người trong quá trình DL
- + Tạo điều kiện khai thác sớm và có hiệu quả các tài nguyên DL
- + DL có điều kiện trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội

Ở các nước phát triển, các nước mới phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hệ thống thông tin hiện đại đã tạo ra các tiện ích, rút ngắn khoảng cách về không gian, giảm giá thành sản phẩm cho du khách. Đây là những điều kiện thuận lợi, hấp dẫn du khách và hoạt động kinh doanh DL. Ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, hệ thống giao thông chưa tốt làm hạn chế việc khai thác tài nguyên DL và triển khai hoạt động DL.

*** Điều kiện vật chất kỹ thuật DL**

Cơ sở vật chất kỹ thuật DL cung cấp các SPDL, đáp ứng các nhu cầu về ăn uống, lưu trú, mua bán, thể thao, y tế, các công trình phục vụ thông tin văn hoá....

Cơ sở vật chất kỹ thuật có vai trò đảm bảo cho DL hoạt động bình thường, tạo ra tiện nghi hấp dẫn du khách. Hoạt động DL tại một địa phương, một quốc gia có phát triển hay không, mức độ hấp dẫn du khách phụ thuộc rất nhiều vào cơ sở vật chất kỹ thuật DL.

Ở nước ta, những năm gần đây đã quan tâm đầu tư để phát triển DL, cơ sở vật chất kỹ thuật DL được cải thiện đáng kể. Tuy vậy, so với các nước phát triển thì cơ sở vật chất kỹ thuật DL của ta còn quá nghèo nàn, chất lượng thấp, thiếu các KDL, khách sạn, nhà hàng, nhất là khu vui chơi giải trí, khu mua sắm có chất lượng cao. Ngoài ra việc xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật DL thiếu quy hoạch, hoặc quy hoạch chưa tốt, đã tác động không tốt đến tài nguyên môi trường và làm giảm hiệu quả kinh doanh.

*** Các hoạt động marketing DL**

Do đặc điểm SPDL thường không thể trưng bày, vận chuyển đến nơi người

tiêu dùng, mà công tác marketing DL đóng một vai trò quan trọng để giới thiệu cho khách DL biết được thông tin để chọn lựa nơi đến và các nhà kinh doanh biết để họ quyết định địa điểm đầu tư. Hoạt động marketing có thể nói là cầu nối giữa khách, nhà đầu tư và địa bàn DL, cung cấp cho khách và nhà đầu tư DL những thông tin về tài nguyên DL, cơ sở vật chất kỹ thuật DL, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, các dịch vụ DL, giá cả, môi trường DL... Những nước có nền DL phát triển tốt thường trích khoảng 6-8% doanh thu DL để xúc tiến, quảng bá phát triển DL.

1.2.1.2. Các nhân tố bên ngoài

***Thị trường khách DL**

Đây là nhân tố ảnh hưởng rất quan trọng đến hoạt động DL. Ngành DL có duy trì hoạt động và phát triển hay không là phụ thuộc vào lượng khách và thị trường khách DL. Tùy vào các loại hình và SPDL ở từng điểm, từng KDL, từng địa phương hay từng quốc gia mà có thị trường khách DL khác nhau. Thị trường khách DL bao gồm thị trường khách DL nội địa và thị trường khách DL quốc tế.

***Nhu cầu nghỉ ngơi DL**

Vấn đề đô thị hóa, công nghiệp hóa, kéo dài tuổi thọ... là những nguyên nhân của nhu cầu nghỉ ngơi DL.

Đô thị hoá tạo nên lối sống đặc biệt, lối sống “thành thị”. Quá trình đô thị hoá tạo điều kiện thay đổi đời sống vật chất và văn hoá cho con người theo hướng tích cực. Tuy nhiên, quá trình này còn dẫn tới sự thay đổi điều kiện tự nhiên, tách con người ra khỏi thiên nhiên bao quanh, làm thay đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và cuộc sống của con người. Mật độ dân số cao, lượng thông tin quá nhiều, tần số tiếp xúc lớn, giao thông ách tắc... là những nguyên nhân gây căng thẳng thần kinh, bệnh trầm cảm. Các nghiên cứu cho thấy cư dân tại các đô thị và các khu có mật độ tập trung, nhu cầu DL cao hơn nhiều so với nông thôn. Họ muốn đến những nơi có môi trường trong lành, yên tĩnh để nghỉ dưỡng, thư giãn nhằm phục hồi sức khỏe thể chất và tinh thần. Cần nghiên cứu nhu cầu nghỉ ngơi để có kế hoạch phát triển ngành DL

hiệu quả.

***Thời gian nhàn rỗi**

Được sự trợ giúp của máy móc, năng suất lao động tăng cao, con người có thể hoàn thành khối lượng các công việc sản xuất, phục vụ một cách nhanh chóng và phần thời gian còn lại dành cho DL, nghỉ ngơi. Hiện nay thời gian làm việc giảm, ở nhiều nước trong đó có Việt Nam quy định mỗi tuần chỉ làm việc 5 ngày, mỗi năm có số ngày nghỉ tổng cộng có thể đạt 120-130 ngày. Mặt khác, xã hội đang phát triển các ngành dịch vụ, sản xuất nhiều máy móc phục vụ trong đời sống và công việc gia đình, nội trợ như máy giặt, thức ăn chế biến sẵn, máy móc hỗ trợ khác... cho nên con người càng ngày càng có nhiều thời gian hơn cho DL.

***Sự bùng nổ khoa học kỹ thuật và phát triển của các ngành kinh tế**

Sự bùng nổ cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghiệp phát triển và tự động hóa quá trình sản xuất là những nguyên nhân vừa trực tiếp vừa gián tiếp cho việc phát triển DL. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và dịch vụ phát triển tạo điều kiện nhiều mặt cho DL phát triển.

Chương 2:
THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH
ĐÔNG YÊN TỬ

2.1. Giới thiệu về khu du lịch Đông Yên Tử

2.1.1. Khái quát về Yên Tử

Khu du lịch Đông Yên Tử thuộc xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh. Vốn là một thắng cảnh thiên nhiên, ngọn núi Yên Tử còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử với mệnh danh “đất tổ Phật giáo Việt Nam”. Trên đỉnh núi thường có mây bao phủ nên có tên là Bạch Vân Sơn. Đỉnh núi Yên Tử có chùa Đông ở độ cao 1068m so với mặt nước biển. Tổng chiều dài đường bộ để lên đỉnh Yên Tử là khoảng 6000m với 6 giờ đi bộ liên tục qua hàng ngàn bậc đá, đường rừng núi

Ngay từ thời Lý, Yên Tử đã có chùa thờ Phật gọi là chùa Phù Vân và đạo sỹ Yên Kỳ Sinh đã tu hành đắc đạo ở đây. Nhưng Yên Tử thực sự trở thành trung tâm Phật giáo từ khi vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng khoác áo cà sa tu hành và thành lập một giáo phái Phật giáo đặc trưng của Việt Nam đó là phái Thiền phái Trúc Lâm và trở thành vị tổ thứ nhất với pháp danh: Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308). Ông đã cho xây dựng hàng trăm công trình lớn nhỏ trên núi Yên Tử để làm nơi tu hành và truyền kinh, giảng đạo. Sau khi ông qua đời, người kế tục sự nghiệp là Pháp Loa Đồng Kiên Cương (1284-1330) vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm. Trong 19 năm tu hành, ông đã soạn ra bộ sách "Thạch thất ngôn ngữ" và cho xây dựng 800 ngôi chùa, am, tháp lớn nhỏ trong nước với hàng nghìn pho tượng có giá trị, trong đó có những chùa nổi tiếng như viện Quỳnh Lâm, chùa Hồ Thiên ở Đông Triều... ở trung tâm truyền giáo của Pháp Loa còn có Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254-1334) - vị tổ thứ 3 của phái Trúc Lâm.

Sang đến thời Lê, Nguyễn, Yên Tử trở thành trung tâm của Phật giáo Việt Nam và được vua quan các triều đại quan tâm tôn tạo sửa chữa nên khu di tích Yên Tử là kết tinh, sự hội tụ của nền văn hoá dân tộc với dáng dấp kiến trúc, hoa văn trang trí và các mảng chạm khắc mang đậm dấu ấn của các thời đại. Vẻ đẹp của Yên Tử là sự kỳ vĩ của núi non hoà với nét cổ kính trầm mặc của hệ thống

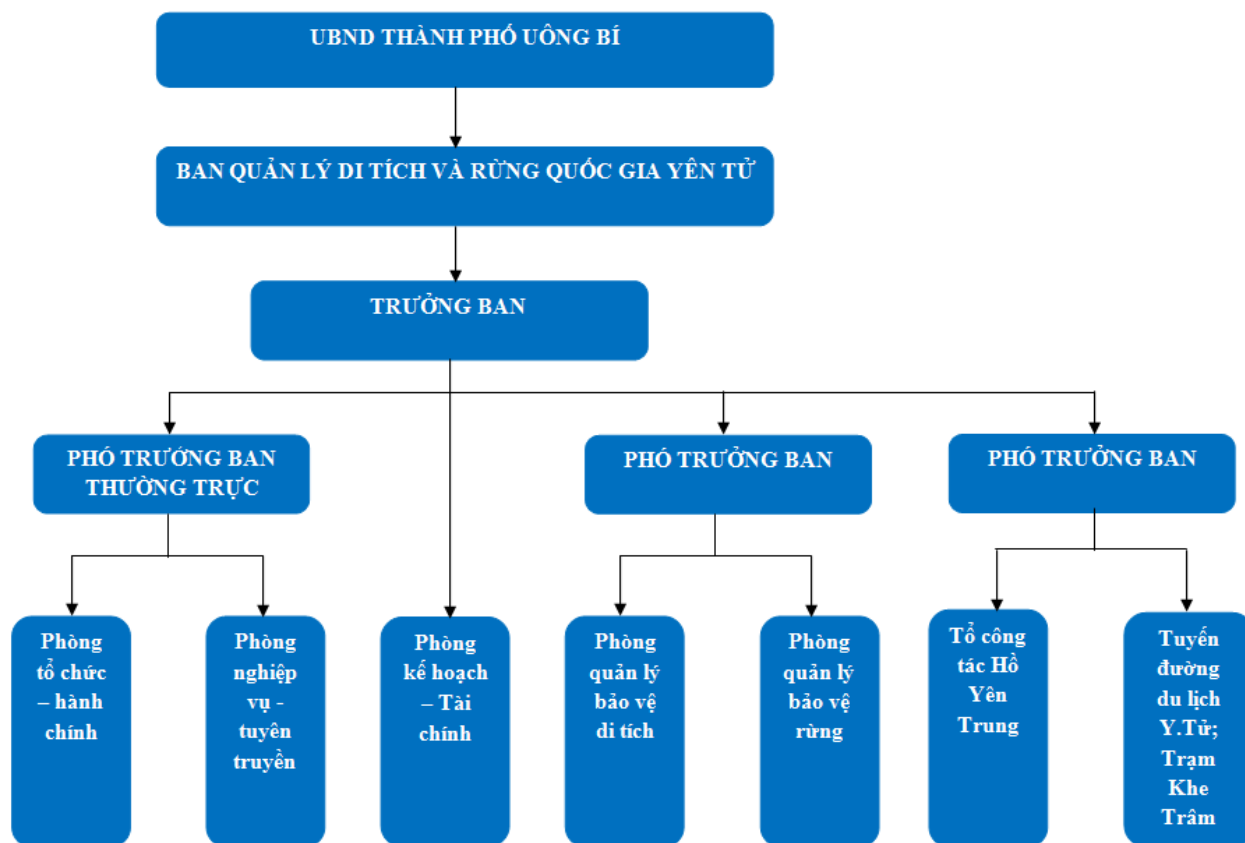
am, tháp cùng với đường tùng, thông, đại, trúc, mai mọc ở hai bên đường toả bóng mát làm cho du khách thập phương quên nổi mệt nhọc đường dốc cheo leo.

Khu di tích thắng cảnh Yên Tử bao gồm một hệ thống chùa, am, tháp và rừng cây cổ thụ hoà quyện với cảnh vật thiên nhiên, nằm rải rác từ dốc Đỏ đến núi Yên Tử theo chiều cao dần thuộc xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đã được Bộ Văn hoá Thông tin cấp bằng công nhận là di tích danh thắng (số 15VH/QĐ ngày 13/3/1974).

Lễ hội chính của Yên Tử diễn ra từ ngày 10 tháng riêng âm lịch và kéo dài trong 3 tháng xuân âm áp. Hàng chục vạn du khách thập phương kể cả người già, người trẻ, trai, gái đều về trải hội Yên Tử, cầu được ước thấy biết bao điều tốt đẹp. Với khách thập phương, Yên Tử là đất Phật, là chốn Tổ, cõi Thiêng không nơi nào sánh bằng. Ngày 30/9/1974, khu di tích và danh thắng Yên Tử được Nhà nước xếp hạng là một trong tám mươi di tích đặc biệt quan trọng ở nước ta.

2.1.2 Công tác tổ chức quản lý và nhân lực du lịch

- *Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý tại khu di tích Yên Tử*



Ban quản lý di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử được thành lập năm 1992, Ban quản lý Yên Tử giữ vai trò quản lý và bảo vệ khu di tích. Cùng với nhiệm vụ quản lý, giữ gìn khu di tích, Ban quản lý cũng tham gia một số lĩnh vực của hoạt động khai thác du lịch như:

- Thu vé tham quan văn cảnh
- Quản lý, thu nhận tiền thuê điểm dịch vụ kinh doanh của các nhà hàng, nhà nghỉ, khu trọ, các điểm bán hàng lưu niệm.
- Tuy không trực tiếp kinh doanh nhưng Ban quản lý có vai trò quản lý về giá cả của dịch vụ hàng hoá đảm bảo về an ninh và môi trường.

- Chức năng của các bộ phận

Trưởng ban: Phụ trách chung và trực tiếp phụ trách phòng Kế hoạch – Tài chính

Phó trưởng ban thường trực:

- Theo dõi, chỉ đạo công tác nghiệp vụ, tuyên truyền, du lịch, dịch vụ tại khu Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử; công tác quản trị hành chính, nội vụ cơ quan.

- Trực tiếp phụ trách: phòng Nghiệp vụ - Tuyên truyền, phòng Tổ chức - Hành chính (theo lĩnh vực được phân công).
- Triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền giá trị lịch sử văn hóa của khu Di tích danh thắng Yên Tử.
- Chịu trách nhiệm tham mưu, thực hiện công tác tổ chức Lễ khai mạc và các hoạt động liên quan đến Hội xuân Yên Tử.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trường ban.

Phó trưởng ban:

- Giúp đồng chí Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển Rừng quốc gia Yên Tử; công tác quản lý, bảo vệ, tôn tạo, phát huy các giá trị khu Di tích Yên Tử; công tác phòng chống cháy nổ, y tế, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trong khu Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử.
- Trực tiếp phụ trách: phòng Quản lý bảo vệ Rừng; phòng Quản lý bảo vệ Di tích (theo lĩnh vực được phân công).
- Phụ trách công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Ban quản lý Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử.
- Phụ trách trực tiếp hoạt động của Hợp tác xã Thảo dược Yên Tử.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng ban.

Phòng Tổ chức hành chính:

- Giúp Lãnh đạo Ban thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ công tác, tổ chức, quản lý cán bộ viên chức và người lao động.
- Tham mưu giúp Lãnh đạo ban thực hiện chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động.
- Thực hiện công việc hành chính quản trị trong cơ quan, thực hiện công tác văn thư lưu trữ theo quy định.
- Duy trì lịch làm việc, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác tháng, quý năm và các báo cáo khác do Lãnh đạo Ban phân công.
- Tham mưu, phối hợp các Phòng trực thuộc Ban, đơn vị có liên quan chuẩn bị tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn, các hoạt động đối nội, đối ngoại của cơ quan.
- Giúp lãnh đạo Ban duy trì, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế dân chủ, các quy định của cơ quan.

- Là bộ phận thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật của cơ quan.

Phòng kế hoạch – tài chính:

- Tham mưu giúp lãnh đạo Ban xây dựng kế hoạch, triển khai nhiệm vụ công tác tài chính, thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm của đơn vị. Công tác quản lý các nguồn thu, công tác vệ sinh môi trường cảnh quan trong khu di tích và Rừng quốc gia Yên Tử thuộc các khu vực được giao quản lý.
- Thực hiện chế độ thu – chi và thanh quyết toán tài chính theo quy định, báo cáo công khai tài chính theo quy định hiện hành, tham mưu sử dụng kinh phí có hiệu quả.
- Quản lý, kiểm tra giám sát các hoạt động có thu tại Khu di tích Yên Tử.
- Tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Ban

Phòng Quản lý bảo vệ di tích:

- Giúp lãnh đạo Ban thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, công tác quản lý bảo vệ an toàn khu di tích. Xây dựng và thực hiện các phương án bảo vệ khu di tích danh thắng Yên Tử.
- Ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, bán hàng không đúng nơi quy định trong Khu di tích. Ngăn chặn các hành vi xâm hại Khu di tích. Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trái với quy định của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Khu di tích Yên Tử. Lập hồ sơ ban đầu các vụ vi phạm về quản lý bảo vệ di tích và chuyển giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định.
- Bảo vệ các đoàn khách đến thăm Khu di tích.
- Bảo vệ, tài sản và các cơ sở vật chất trong Khu di tích.
- Chủ trì thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, y tế, cứu hộ, cứu nạn trong Khu di tích. Phối hợp kiểm tra đảm bảo công tác an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Quản lý nhà nước các hoạt động văn hóa tín ngưỡng tôn giá trong Khu di tích của các vị chức sắc tu hành và phật tử đến lễ Phật, tham quan vãng cảnh tại Khu di tích Yên Tử.
- Thực hiện công tác bảo vệ các di tích, phế tích, các Chùa, Am, Tháp, các nhà bảo tàng, các cơ sở hạ tầng, tài sản, công trình nhà nước, tượng pháp, đồ thờ tự trong khu di tích.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo tồn, tôn tạo khu di tích Yên Tử. Tham gia sưu tầm các hiện vật tại Khu di tích.
- Phối hợp quản lý dịch vụ, quản lý sử dụng đất trong Khu di tích.
- Tham gia hướng dẫn du khách hành lễ theo quy định tại Khu di tích.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Ban phân công.

Phòng Nghiệp vụ tuyên truyền

- Giúp lãnh đạo Ban thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, công tác quản lý tài nguyên RừGiúp lãnh đạo Ban thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, công tác quản lý văn hóa bảo tồn, bảo tàng trong khu di tích Yên Tử, công tác nghiên cứu khoa học, công tác tuyên truyền, hướng dẫn du lịch.
- Tham mưu lập kế hoạch xây dựng các thiết chế văn hóa trong khu di tích Yên Tử theo đúng quy định về hoạt động tín ngưỡng tôn giáo.
- Tham mưu xây dựng kế hoạch, nội dung tổ chức các lễ hội truyền thống, lễ khai mạc và Hội xuân Yên Tử hàng năm.
- Tham gia, giám sát các hoạt động về trùng tu, tôn tạo, bảo tồn, khảo cổ trong khu di tích.
- Thực hiện các nghiệp vụ công tác bảo tồn, bảo tàng, nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản và trưng bày hiện vật. Tiếp nhận và quản lý các hiện vật, tài liệu, đồ thờ tự công đức theo quy định. Quản lý hồ sơ các di tích, phế tích, Chùa, Am, Tháp, các cổ vật, hiện vật...
- Sưu tầm, nghiên cứu các giá trị lịch sử, văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể liên quan đến di tích Yên Tử.
- Tham mưu, triển khai tổ chức thực hiện các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, lao động trong cơ quan.
- Tham mưu thực hiện công tác tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các giá trị lịch sử, văn hóa, danh thắng khu di tích và rừng quốc gia Yên Tử qua các phương tiện thông tin đại chúng; các ấn phẩm văn hóa như: Tờ rơi, sách, tranh ảnh, phim tài liệu, phim khoa học...phụ trách về thông tin và hệ thống trang Website điện tử. Quản lý, vận hành hệ thống truyền thanh trong khu di tích.
- Thực hiện việc hướng dẫn, giới thiệu tham quan du lịch cho du khách trong nước và quốc tế.
- Thực hiện việc tuyên truyền trực quan, trang trí khánh tiết các Hội nghị, các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương, các lễ hội truyền thống và Hội xuân Yên Tử hàng năm.
- Tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định đối với khu di tích và rừng quốc gia Yên Tử.
- Quản lý, tổ chức các hoạt động dịch vụ, du lịch trong khu di tích.
- Tham gia quản lý Nhà nước các hoạt động: Trùng tu, bảo tồn, tôn tạo, khảo cổ, văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong khu di tích.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Ban phân công.

Phòng Quản lý Bảo vệ rừng:

- Giúp lãnh đạo Ban thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, công tác quản lý tài nguyên Rừng quốc gia Yên Tử. Xây dựng và thực hiện các phương án bảo vệ khu Rừng quốc gia Yên Tử. Lập hồ sơ ban đầu về các vụ việc vi phạm Luật Bảo vệ phát triển Rừng, phối hợp với Hạt Kiểm Lâm và ngành chức năng liên quan xử lý vi phạm theo quy định của Pháp luật.
- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhân dân nâng cao ý thức pháp luật bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong Khu di tích.
- Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành liên quan tổ chức bảo vệ tài nguyên rừng.
- Chủ trì thực hiện công tác phòng chống cháy nổ trong Rừng quốc gia Yên Tử. Phối hợp thực hiện công tác y tế, cứu hộ, cứu nạn trong Khu di tích.
- Tham mưu nhiệm vụ liên quan thuộc Dự án đầu tư xây dựng Rừng quốc gia Yên Tử: Bảo vệ phát triển Rừng, bảo tồn nguồn gen, xây dựng theo dõi vườn thực vật, vườn Phong Lan, vườn ươm. Khôi phục và bảo tồn các hệ sinh thái rừng, bảo tồn tính đa dạng sinh học của Rừng quốc gia; Bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên trong Rừng quốc gia.
- Phối hợp với các lực lượng chức năng bảo vệ, đảm bảo an toàn cho các hoạt động trong khu di tích và Khu rừng quốc gia. Phối hợp đảm bảo an toàn cho các đoàn khách đến thăm Khu di tích Yên Tử.
- Nghiên cứu khoa học về cây rừng, cây Di sản để có kế hoạch bảo tồn và phát triển.
- Bảo vệ an toàn toàn bộ diện tích Rừng quốc gia Yên Tử và các vùng đệm được giao quản lý, tham gia tích cực vào các dự án bảo tồn phát triển Rừng. Đảm bảo thường trực 24/24h hàng ngày tại các Trạm bảo vệ rừng. Ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gây mất an ninh trật tự, các hành vi xâm hại Rừng quốc gia Yên Tử.
- Bảo vệ các cơ sở hạ tầng, tài sản, công trình nhà nước trong Rừng quốc gia Yên Tử.
- Hướng dẫn nhân dân và du khách thực hiện các quy định về bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Ban phân công.

2.2 Thực trạng khai thác du lịch tại khu du lịch Đông Yên Tử**2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên****2.2.1.1 Vị trí địa lý**

Khu di tích và danh thắng Yên Tử nằm ở phía Tây Bắc của thành phố

Uông Bí, chạy dài gần 20km từ chùa Bí Thượng (gần quốc lộ 18A) đến đỉnh chùa Đồng (đỉnh Yên Sơn) cao nhất miền Đông Bắc của tổ quốc (1068m) trên địa phận 2 xã Phương Đông và Thượng Yên Công.

Yên Tử cách Hà Nội khoảng 150km, cách thành phố Hạ Long 50km quay trở lại, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 40km, nằm trên tuyến du lịch quan trọng Hà Nội - Hạ Long, các tuyến du lịch trong nước và quốc tế. Đây là vị trí rất thuận lợi cho phát triển du lịch Yên Tử.

2.2.1.2 Địa chất địa mạo

Đây là vùng có kiến tạo địa chất phức tạp và giàu tài nguyên. Biểu hiện đứt gãy đột ngột của dãy núi Yên tử cho thấy có những biến đổi địa chất từ xa xưa đã đưa vùng đất này lên cao. Phần lớn các nhà khoa học đều có ý kiến cho rằng trước đây hàng chục vạn năm dải đất vùng Đông Bắc đã bị nước biển dâng trào và bị tác động bào mòn của nước biển. Dấu vết chứng minh là các dải đồi bề mặt tương đối bằng nhau của bậc thềm biển quá khứ.

Yên Tử có độ cao 700m trở lên, chủ yếu phân bố các loại đá tảng chông xếp, các loại cuội kết, sạn kết. Xuống phía dưới (700m trở xuống) là sa thạch, phân sa và diệp thạch sét. Lớp đất Feralit nâu vàng phát triển trên sa phiến thạch, vàng hoặc vàng nâu phát triển trên sạn, sỏi kết, sa thạch, có độ dày trung bình 30–60cm, càng lên phía trên càng mỏng. Lớp đất mùn thực vật dày 20-30cm được phân bố chủ yếu ở phía dưới thấp, phía trên 700m chỉ đọng lại các vùng giữa các phiến đá

Với đặc trưng trên, tình trạng địa chất mở kiến tạo của Yên Tử là không ổn định, dễ bị biến dạng, sụt lở do chấn động, đồng thời hiện tượng phong hoá và xói mòn do tác động khí hậu tạo ra hiện tượng trôi trượt lớp đá tảng đức gãy và cuội sỏi kết. Điều này tạo lên tính phiêu lưu mạo hiểm đối với du khách.

2.2.1.3 Khí hậu, thủy văn

a. Khí hậu

Với vị trí địa lý nằm trong cánh cung Đông Triều – Móng Cái có nhiều dãy núi cao ở phía Bắc và thấp dần xuống phía Nam đã tạo cho Yên Tử một khí hậu đa dạng, phức tạp vừa mang tính chất khí hậu miền núi, vừa mang tính chất

khí hậu miền duyên hải. Khu di tích Yên Tử chịu ảnh hưởng của vùng khí hậu Đông Bắc Bộ mang nét đặc trưng nóng ẩm, mưa nhiều về mùa hè, khô hanh kéo dài về mùa đông.

Chế độ mưa: Tổng lượng mưa trung bình năm của Yên Tử đạt 1.600mm, năm thấp nhất là 1.200mm, năm cao nhất đạt 2.200 mm. Lượng mưa tập trung nhiều vào các tháng 6,7,8 chiếm khoảng 60% tổng lượng mưa hàng năm. Nhiều nhất vào tháng 7 có lượng mưa lớn nhất 346,3mm và ít nhất vào tháng 11 có lượng mưa là 29,2mm. Lượng mưa trung bình các tháng trong năm là 133,3mm. Số ngày mưa trung bình năm là 153mm. Với đặc điểm như thế này, mặc dù Yên Tử là khu vực có lượng mưa rất thuận lợi với mức độ thích nghi của con người nhưng trong trường hợp mưa lớn thường có lũ làm ảnh hưởng đến sản xuất và đi lại. Còn vào những tháng mùa khô dễ gây hiện tượng cháy rừng.

Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trung bình năm là 22.2°C. Mùa hè nhiệt độ trung bình từ 28-30°C, cao nhất 34-36°C. Mùa đông nhiệt độ trung bình từ 17-20°C, thấp nhất từ 10-12°C. Có thể nói đây là yếu tố khá thuận lợi cho việc phát triển du lịch của khu vực.

Chế độ gió: có 2 hướng gió thịnh hành là Đông Nam thổi vào mùa hè và Đông Bắc thổi vào mùa đông. Trong các tháng mùa hè, ở đây thường chịu ảnh hưởng của mưa bão. Trung bình mỗi năm có từ 2-3 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào thành phố với sức gió và lượng mưa khá lớn.

Độ ẩm không khí: Trung bình năm 81%, cao nhất 89,3%, thấp nhất 50,8%. Tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 3, có độ ẩm trung bình là 84,4%, thấp nhất là tháng 11, có độ ẩm trung bình là 76,5%.

Nhìn chung, theo đánh giá khách quan thì mặc dù vẫn còn những yếu tố chưa đạt yêu cầu, tuy nhiên với độ ẩm tương đối cao, lượng mưa lại chủ yếu nằm ngoài mùa lễ hội và nhiệt độ trung bình không cao đã tạo điều kiện thời tiết khá thuận lợi cho du khách tới thăm quan và cúng lễ.

b. Thủy văn

Khu di tích Yên Tử có 3 hệ thủy chính đều bắt nguồn từ dãy Yên Tử là hệ suối Vàng Tân (tiểu khu 9), hệ suối Giải Oan (tiểu khu 32, 37) và hệ suối Bãi

Dâu nằm trong khu di tích nội vụ. Trước đây, các suối này đều có nước quanh năm phục vụ rất tốt cho sản xuất nông nghiệp (cánh đồng Năm Mẫu) và sinh hoạt của nhân dân trong vùng. Song trong những năm gần đây, do khai thác than và tàn phá rừng quá mạnh, đất và đá thải ra đã không được giải quyết hợp lý, trôi xuống lấp dần các suối, làm nước quanh năm đục ngầu và lấp cả lúa và hoa màu.

2.2.1.4 Sinh vật

a. Thảm thực vật Yên Tử

Từ khu vực suối Giải Oan lên tới chùa Đồng là nơi có rừng và thảm thực vật tiêu biểu. Trong khoảng thời gian 1068m này thảm thực vật chia ra hai loại đều vô cùng phong phú và đa dạng:

- Thảm thực vật rừng nhiệt đới nằm trong kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa từ độ cao 700m trở xuống có nhiệt độ trung bình 25°C, lượng mưa 2.000mm, độ ẩm 90%.

- Loại thảm thực vật rừng có độ cao 700m trở lên nằm trong kiểu khí hậu á nhiệt đới có nhiệt độ trung bình 15 – 18°C, lượng mưa trên 2.000mm, độ ẩm trên 90%.

Rừng Yên Tử lá rộng, kín thường xanh với hơn 121 họ và 428 loài cho thấy sự phong phú, đa dạng của rừng. Sự có mặt của loại Táo mặt quỷ, Táo muối, Sên mặt, Giỏi, Vù hương, Lim xanh cho thấy thực vật rừng Yên Tử đặc trưng cho luồng thực vật Miền Bắc Việt Nam (nhất là vùng Đông Bắc). Nhiều loại gỗ quý bắt gặp ở đây như Lim xanh, Táo môi sao Hòn Gai, Hoang đàn, Giỏi, Gội, Trâm... và hàng trăm loại cây dược liệu quý giá như Long não, Ba kích, Đẳng sâm, Xuyên nhung, Cao lạc tiên, Trầu một lá... Bên cạnh đó, rừng ở đây còn có các ưu hợp Sên + Giẻ, Chẹo + Giẻ, Trám + Táo, Trâm, Chẹo... mang ý nghĩa quý hiếm, cần được bảo vệ.

Ngoài ra cần phải kể đến các loài lan đẹp, lá đẹp của Yên Tử, trong đó nổi bật là Phong Lan, Trà Mi, Đỗ Quyên... Đặc biệt trúc các loại ở đây mọc đầy rừng, có những khi chỉ toàn thấy trúc. Những loài hoa ở đây thường nở hoa, thay lá theo mùa, phù hợp với cảnh sắc của nơi tham quan, du lịch, lễ hội truyền

thống.

b. Động vật Yên Tử

Động vật ở đây cũng có hàng trăm loại. Trước đây như sử sách ghi lại, Yên Tử vốn là một vùng rừng núi trùng điệp từng nổi tiếng về những loài cầm thú lớn như hổ, báo, gấu, lợn rừng và cả voi nữa, còn các loại thú rừng thì không kể xiết. Nhưng đến nay, chủ yếu do tác động của con người, động vật rừng Yên Tử đã thưa vắng nhiều. Hiện nay chỉ còn các loại thú như: gấu, lợn rừng, hươu, nai, tắc kè, chim trĩ, gà lôi, cáo, chồn... Tuy vậy, được nhìn thấy các loài thú thiên nhiên hoang dã giữa núi rừng thiên nhiên, ở một mức độ nào đó vẫn có sự thu hút đối với khách du lịch.

2.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

Bên cạnh nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên mang tính đặc sắc cao, Yên Tử vốn được mệnh danh là đất Phật còn có cụm tài nguyên du lịch nhân văn rất phong phú và đa dạng mà trong đó nổi tiếng là hệ thống các ngôi chùa, toà tháp và các am nổi tiếng linh thiêng. Ngoài ra Yên Tử còn nổi tiếng với các lễ hội truyền thống thu hút được sự quan tâm và tham gia của du khách thập phương.

2.2.2.1 Đền, chùa

- *Chùa Bí Thượng*: Theo các nhà khoa học thì chùa Bí Thượng được xây dựng từ sau thời Trần và là cửa ngõ, chôn dưng chân lễ Phật đầu tiên của du khách thập phương hành hương vào đất tổ Thiên Phái Trúc Lâm. Thời Pháp thuộc, chùa bị đốt và xây dựng lại nhiều lần. Đến kháng chiến thì chùa bị Pháp san bằng và nay còn lưu lại nền móng hoang phế cùng một ngôi tháp gạch hai tầng.

- *Chùa Cầm Thực (Linh Nham Tự)*: Tương truyền vua Trần Nhân Tông sau khi rời Suối Tắm đến đây định dừng chân ăn cơm mới biết rằng cầm thú đã cướp hết cả. Nhà vua chỉ còn biết uống nước cầm hơi nên sau này khi dựng chùa người ta đã đặt tên là Cầm Thực. Chùa Cầm Thực hiện nay ta thấy còn có kiểu kiến trúc được xác định vào thời nhà Nguyễn, tức là rất gần đây. Chùa dài 30m, chia làm 6 gian. Cạnh chùa có một ngọn tháp chưa rõ xây vào thời đại nào, gồm có hai loại vật liệu chính là gạch và đá

- *Chùa Lân (Long Động Tự)*: Theo các nhà khảo cổ học thì chùa Lân được xác định là một công trình kiến trúc khá lớn trước đây nhờ tìm thấy những mô hình nhà bằng đất nung và căn cứ vào mặt bằng khu vực mà trước đây chùa được xây dựng. Chùa có tên Chùa Lân bởi chùa dựa vào vách ngọn núi có hình con Lân và trông như một dòng suối. Hai bên và quanh chùa có tới 25 ngọn tháp gạch và đá. Ngọn tháp đẹp nhất và cổ nhất có tên gọi là Tịnh Quang với văn bia ghi rõ năm xây dựng là Bảo Thái thứ 8 (1727). Tháp chính là mộ của sư tổ chùa này có pháp danh là Tuệ Đăng hoà thượng.

- *Chùa Giải Oan*: Chùa được xây dựng dựa vào sườn núi trông ra suối Giải Oan. Chùa có tên gọi như vậy là để siêu độ cho những cung phi vì đã ngăn vua Trần Nhân Tông đi tu mà gieo mình xuống suối tự vẫn. Hiện nay chùa Giải Oan chỉ còn 3 gian xây dựng hình chuỗi vồ (kiến trúc kiểu thời Nguyễn) và có hệ thống tượng Phật. Đồ thờ cũng khá hoàn chỉnh mặc dù phần lớn đều là làm mới cả. Phía trước chùa trên giải đất hẹp còn giữ được 2 ngọn tháp nhỏ đã được sửa chữa nhiều lần bằng gạch.

- *Cụm Tháp Huệ Quang (Tháp Tổ)*: đây là cụm tháp lớn nhất Trung tâm Phật Giáo Yên Tử gồm 97 ngọn tháp lớn nhỏ nằm thành hàng lối san sát trên một mặt bằng khá rộng, phía trước mặt chùa chính là Chùa Hoa Yên. Cụm di tích đặc sắc nguyên được xây dựng từ thời Trần, nay được tôn thêm vẻ uy nghi, cổ kính bởi những cây đại thụ tới 700 tuổi. Công trình kiến trúc này đáng chú ý nhất là Tháp Tổ Huệ Quang. Theo nhà nghiên cứu Du Chi thì Tháp Huệ Quang nguyên dạng xây dựng Thời Trần nay chỉ còn lại nền móng. Tháp như hiện nay nhỏ bé hơn nhiều so với tháp cũ và có kích thước cấu trúc khác hẳn. Tháp mới mỗi chiều chỉ dài 2,1m bố trí mặt bằng theo kiểu hình vuông đơn giản và phổ biến. Tháp có 5 tầng đều làm bằng đá. Viên tầng dưới cùng được trang trí hoa văn dây và hình cánh sen. Tầng dưới cùng của tháp được xây dựng cao hơn để đặt tượng đá thờ Trần Nhân Tông. Pho tượng này là một tác phẩm điêu khắc có giá trị. Tượng cao 0,62m ở tư thế ngồi hình hoa sen (liên hoa toạ). Cái quý giá nhất của hợp thể tháp Huệ Quang là bức tượng hiện vật hiếm hoi còn lại của kiến trúc thời Lê Sơ.

- *Chùa Hoa Yên (Vân Yên cũ)*: Đây là chùa chính của trung tâm Phật giáo Yên Tử. Từ tháp Huệ Quang đi lên trên chùa, một con đường lát bằng 84 viên gạch vuông in hoa cúc, điển hình cho gạch thời Trần mách bảo vị trí quan trọng của chùa Yên Tử. Chùa Hoa Yên vốn có tên là Chùa Vân Yên nghĩa là mây khói...Từ khi Lê Thánh Tông(1470-1497) lên văn cảnh thấy sắc hoa tươi đẹp nên cho đổi là chùa Hoa Yên. Chùa hiện nay là chùa mới được xây dựng sau những lần hoả hoạn. Quanh chùa có nhiều bia và chuông.

- *Chùa Một Mái (Bán Thiên Tự)*: Chùa này tương truyền là nơi xưa kia Điều Ngự Giác Hoàng thường ngồi để tụng kinh, đọc sách. Chùa nhỏ, chỉ có một mái nằm chênh vênh trên vách núi đá dựng đứng. Chùa hiện nay được xây dựng mới nhưng rất đơn giản. Điều đặc biệt nhất của chùa này là hầu như tượng phật, đồ thờ đều được làm bằng đá trắng có tuổi đời khá cao. Bên cạnh chùa có hai tháp gạch, một là Thanh Long Động, một là Thanh Long Tháp và một gian nhà nhỏ dành cho vải chùa ở.

- *Am Dược và Am Hoa*: Am Dược là nơi mà các nhà sư luyện thuốc cứu độ chúng sinh. Vào thời nhà Trần, các ngự y thường lên đây để luyện thuốc. Am này hiện nay đã trở thành phế tích, đáng kể chỉ còn lại hai ngọn tháp: một bằng đá và một bằng gạch. Dù là phế tích nhưng ở đây vẫn đủ chứng tích của một công trình kiến trúc của người xưa. Am Hoa ở gần Am Dược cũng có kiến trúc tương tự nhưng ở dạng phế tích trầm trọng hơn. Hiện nay Am này chỉ còn một ngọn tháp nhưng đã sụp đổ từ lâu. Tên Am Hoa đưa ta đến một liên tưởng về việc Lê Thánh Tông cho đổi tên chùa Vân Yên Thành Hoa Yên vì nơi đây vốn là vùng có nhiều hoa thơm cỏ ngọt.

- *Am Ngọa Vân*: Trên đường thượng sơn, cùng với Thác Ngự Dội, Am Ngọa Vân ở phía trái chùa Hoa Yên. Am Ngọa Vân nay đã bị cháy trụi chưa được khôi phục đến. Đến đây du khách chỉ còn thấy mấy bức tường đổ nát và hoang phế. Vậy mà xưa kia nơi đây chính là một trong vài di tích vua Trần Nhân Tông hay đến để tụng kinh niệm phật. Năm 1308, Ngài đã viên tịch tại đây.

- *Tháp Độ Nhân và chùa Phổ Hà*: nằm phía sau chùa Hoa Yên, Tháp Độ Nhân được xây dựng từ đời nhà Trần, là một công trình kiến trúc tháp tuyệt mỹ.

Nay dấu đã là phế tích nhưng những viên đá men xanh nổi tiếng thời Trần như viên gạch hình đầu kỳ lân còn lại đã giúp người đời sau tự đánh giá về ngọn tháp và tiếc thay cho sự mất đi một kiến trúc Phật Giáo tiêu biểu một thời. Chùa Phổ Đà nay chỉ còn là một phế tích mờ nhạt nằm trong cụm di tích hệ thống tháp Độ Nhân. Tục truyền chùa này là một chùa khá lớn do Pháp Loa đệ nhị tổ Thiên phái Trúc Lâm xây dựng. Đây là một ngôi chùa có vị trí quan trọng trong hệ thống di tích Phật Giáo Yên Tử, nhất là khi được biết rằng nó được xây dựng vào đời Trần_ thời kỳ khai sang của Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam.

- *Chùa Bảo Sái*: Đây là tên gọi một đệ tử của vua Trần Nhân Tông và sau này trở thành tổ sư của chùa này. Bảo Sái nằm trên lưng chừng vách núi, có hai bậc sân phía trước được kê đá chắc chắn. Chùa này hiện nay là công trình kiến trúc mới 5 gian. Ngoài chùa còn có 3 ngọn tháp đều mới được trùng tu. Bên cạnh chùa, phía trong là căn nhà nhỏ xây dựng cũng sơ sài dành cho tăng ni. Đặc trưng đáng chú ý là chùa có tượng của ba vị Tam tổ Thiên phái Trúc Lâm: Điều Ngự Giác Hoàng tổ đệ nhất, Pháp Loa đệ nhị tổ và Huyền Quang đệ tam tổ. Cả ba pho tượng đều được đúc bằng đồng và sơn son thiếp vàng, bên trong rỗng để đựng bài vị ghi rõ tên tuổi, lai lịch của mỗi vị. Ngoài ra Bảo Sái cũng là một ngôi chùa có nhiều tượng và đồ thờ cúng, chuông đồng có giá trị.

- *Chùa Vân Tiêu và cụm tháp 9 tầng*: Hiện nay mới dựng lại một gian nhỏ bên cạnh mấy bức tường đổ nát của chùa cũ để thờ 3 vị Phật cũng đều là tượng mới cả. Bên cạnh chùa còn giữ cả một văn bia bằng đá nhưng đã long đẽ chưa được xây cất lại. Trước mặt chùa, trên một ngọn núi thấp hơn là quần thể cụm tháp chín tầng (còn gọi là cụm Tháp Vọng Tiên Cung) gồm có 6 ngọn xây dựng bằng đá và gạch. Đáng chú ý là ngọn tháp Vọng Tiên Cung lớn nhất thuộc kiến trúc thời Nguyễn. Tháp có 9 tầng (nay còn 7 tầng) hình lục năng có bệ đá hình con rùa. Đây là một di tích quý cần được tôn tạo.

- *Chùa Đồng*: Theo các nhà khoa học thì chùa Đồng do một người thuộc dòng họ Trịnh xây dựng vào thời Lê – Trịnh. Đến nay chùa cổ không còn, chỉ còn lưu lại những lỗ chân cột đục sâu xuống nền đá. Người đời nay dựng lên trên đó một am nhỏ để thờ. Mãi gần đây một Chùa Đồng nhỏ mới được dựng

canh chùa cũ. Trong chùa có đủ tượng, chuông, khánh, bát nhang...

2.2.2.2 Di tích

- *Hòn Ngọc (hòn Hạ Kiệu)*: Cách đây 7 thế kỷ, vua Trần Nhân Tông đã cho hạ kiệu để đi bộ lên vùng núi cao Yên Tử vì đường xá gập ghềnh, vách đá cheo leo không thể dùng phương tiện nào khác ngoài đôi chân. Hòn Ngọc có tên gọi là Hạ Kiệu từ đó. Hòn Ngọc là một cụm di tích gồm 8 ngọn tháp, nay chỉ còn có 3 ngọn tạm thời gọi là nguyên vẹn nhưng cũng đã qua trùng tu nhiều lần. Những ngọn tháp này có 3 tầng và đều là tháp đá được xây dựng có thể là vào thời nhà Lê. Ngọn xưa nhất có niên đại Cảnh Hưng năm thứ 19 (1785). Ngọn thứ hai là tháp Bảo Chân dựng năm 1770. Ngọn thứ ba mang tên Trịnh Trú được xây dựng năm 1963. Những tháp còn lại chỉ còn là những phế tích nhô khỏi mặt đất chút ít, xung quanh xếp vài viên gạch rất sơ sài.

- *Tượng An Kỳ Sinh*: Tượng nằm trên một bãi rộng, cây mọc lúp xúp thuộc một đỉnh núi thường xuyên có mây mù che phủ. Đây là một quần thể gồm di tích chính là tượng đá An Kỳ Sinh, am thờ và mộ một vị sư tương truyền là đệ tử An Kỳ Sinh. Tượng đá có dáng một đạo sĩ đang thuyết pháp giữa lòng lộng mây trời, là một kiệt tác mà cho tới bây giờ vẫn chưa khẳng định đây là tác phẩm của tạo hóa hay của con người. Điều đáng nói ở đây là cảnh quan xung quanh bức tượng đã bị con người làm xấu đi nghiêm trọng.

2.2.2.3 Lễ hội

Hàng năm lễ hội Yên Tử được tổ chức từ tháng 10 tháng Giêng kéo dài đến gần như quanh năm nhưng chủ yếu đến 3 tháng. Thời gian này chủ yếu đón tiếp các Phật tử và nhân dân hành hương về Yên Tử. Trong số rất nhiều lễ hội được tổ chức ở Yên Tử thì mỗi lễ hội có nội dung và hình thức riêng biệt rất độc đáo. Các lễ hội chính (7 lễ hội) được quan tâm đặc biệt ở Yên Tử là:

- Lễ hội vào mùa xuân hội Yên tử: Lễ hội này diễn ra tại trảng bằng dưới chân núi Yên Tử, nơi đóng trụ sở của Ban quản lý, vào trung tuần tháng Giêng âm lịch. Lễ hội vào mùa có quy mô hoành tráng và rất tưng bừng. Các trò chơi dân tộc mang tính đại chúng và các tiết mục nghệ thuật được trình diễn tại lễ hội này

- Lễ hội thứ hai kỷ niệm danh nhân đạo sỹ An Kỳ Sinh tu tiên đặc pháp, đạt độ trường sinh, hóa đá trên đỉnh núi. Lễ hội này diễn ra vào trung tuần tháng

Hai âm lịch.

- Lễ hội tưởng niệm Thiền sư Hiền Quang, vào đầu tháng ba âm lịch.

- Lễ hội tưởng niệm Đệ Nhị tổ Thiền phái Trúc Lâm Pháp Loa vào ngày 01/3 âm lịch tại chùa Bảo Sái.

- Lễ hội tưởng niệm Đệ Tam tổ Thiền phái Trúc Lâm Huyền Quang Lý Đạo Tái vào cuối tháng Năm âm lịch.

- Lễ hội tưởng niệm Đệ Nhất tổ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông vào ngày 21/10 âm lịch tại chùa Hoa Yên.

- Lễ hội giải oan tại chùa Giải Oan vào ngày 20/11 âm lịch.

Ngoài 7 lễ hội chính trong năm, ở Yên Tử còn thường xuyên có các hoạt động văn hóa văn nghệ như: tại trảng bằng dưới chân núi Yên Tử, người ta sẽ dựng lên những quán phong nguyệt để thưởng trăng, ngắm hoa, nghe thổi sáo trúc và uống trà ướp hoa cúc vàng, hay tại đây người ta thường xuyên trình diễn những cuộc trình diễn giả trang gọi là những cuộc trình diễn Ngụ Ngôn....

Ngoài ra ở đây là có sân để dạy võ và diễn võ Trúc Lâm, còn có hồ nước và nhà thủy đình để diễn ra múa rối cạn. Nơi đây còn có nhà bát giác, tường lửng xung quanh, mái long đình, giữa sân có sân khấu vuông để trình diễn, diễn xướng các loại dân ca, dân vũ, dân nhạc các vùng, miền trong cả nước và diễn các trò hề truyền thống.

2.2.3 Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ở Yên Tử

2.2.3.1 Hệ thống cáp treo

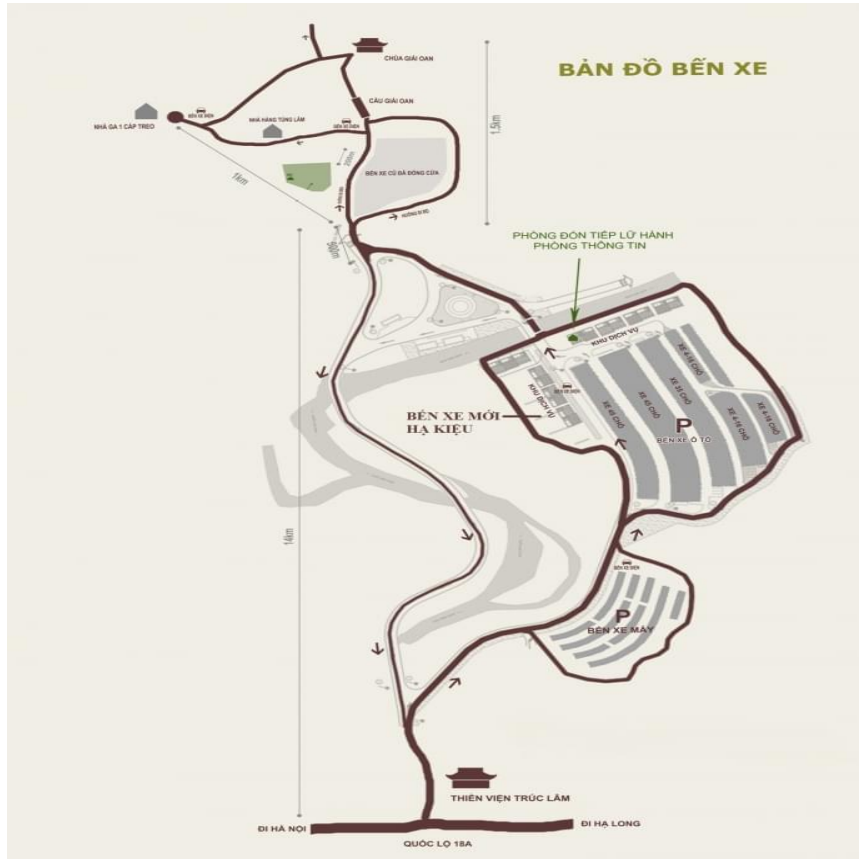
Để tiết kiệm thời gian và sức khỏe cho du khách thì Yên Tử đang vận hành 2 tuyến cáp treo để phục vụ du khách tới tham quan:

- Tuyến 1 (Chùa Giải Oan- Hoa Yên): dài 1,2km, công suất 3.000người/h

- Tuyến 2 (Chùa Hoa Yên- Tượng An Kỳ Sinh): dài 1km, công suất 1.800người/h

2.2.3.2 Hệ thống bãi đỗ xe

Theo Ban quản lý di tích quốc gia Yên Tử, năm nay tất cả các phương tiện vào Yên Tử đều dừng tại hai bãi đỗ xe đã được mở rộng và bố trí hợp lý ở khu vực dốc Hạ Kiệu, cách chân núi Yên Tử gần 1km. Từ đây, du khách có thể hành hương về vùng lõi di tích Yên Tử bằng xe điện hoặc đi bộ.



2.2.3.3 Hệ thống cung cấp nước

Hiện nay ở Yên Tử còn sử dụng nhiều nguồn nước khác nhau:

- Hệ thống nước tự chảy do người dân và các quán hàng tự tạo, lấy nước từ các thác Vàng thác Bạc. Hệ thống này ổn định, không phụ thuộc vào mùa nhưng dễ bị ô nhiễm.
- Ngoài ra còn sử dụng nước giếng đào, giếng khoan, nước mưa, lượng nước từ các nguồn này thường không ổn định và thường xuyên cạn kiệt, không đủ dùng cho sinh hoạt.

2.2.3.4 Hệ thống nguồn điện

Yên Tử có một trạm phát sóng đặt tại khu vực Hoa Yên. Lưới điện và

nguồn cấp điện cơ bản đảm bảo, nhiều tuyến dây đi qua rừng làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung.

Khu di tích Yên Tử đang sử dụng mạng điện chung của Thành phố Uông Bí qua đường dây 372- 35KV cấp từ Vàng Danh sang. Khu vực nội vì khu di tích Yên Tử, nguồn điện cấp qua các trạm 35/0,4KV tại khu vực xã Thượng Yên Công, Bến xe Giải Oan và các nhà ga cáp treo.

2.2.3.5 Cơ sở dịch vụ

- **Ăn uống:**

Trong khu vực Yên Tử các cơ sở dịch vụ ăn uống tập trung chủ yếu tại khu vực bến xe dốc Hạ Kiệu. Các điểm dịch vụ được xây dựng từ 1- 2 tầng bằng vật liệu như: Tôn, khung sắt, bê tông cốt thép chất lượng xấu gây ảnh hưởng đến cảnh quan chung. Ngoài ra còn một số điểm dịch vụ tập trung tại khu vực nhà ga cáp treo, khu vực Chùa Hoa Yên, An Kỳ Sinh, chùa Bảo Sái và một số điểm nhỏ trên tuyến hành hương do tư nhân và một số doanh nghiệp đầu tư, tuy nhiên kiến trúc chưa hợp cảnh quan, chất lượng thấp và quy mô nhỏ. Hiện tại trong khu di tích có một số các cơ sở kinh doanh ăn uống đáp ứng được nhu cầu của du khách đó là: nhà hàng công đoàn Yên Sơn, nhà hàng Hương Lý 37, nhà hàng Thanh Bình, nhà hàng Trung Tuyến.

- **Lưu trú:**

Hiện tại khu lưu trú 3 sao trong Làng hành hương của Trung tâm văn hóa Trúc Lâm Yên Tử đã được hoàn thiện với 75 phòng nghỉ (khoảng 300 giường)

2.2.3.6. Thông tin liên lạc

Mạng lưới thông tin liên lạc đã được đầu tư xây dựng, đảm bảo liên lạc thông suốt. Hiện nay trong khu di tích đã dựng được 09 cột thu phát sóng, trong đó: Vinaphone 03 cột, Viettel 04 cột, Mobiphone 02 cột.

2.2.4 Thực trạng hoạt động và đầu tư

Trong những năm qua, vấn đề đầu tư phát triển du lịch tại Yên Tử đang rất được chú trọng. Đơn vị tham gia đầu tư nhiều nhất ở khu di tích Yên Tử trong những năm qua là Công ty Tùng Lâm. Lãnh đạo đơn vị này cho hay, phía công

ty đầu tư nhiều hạng mục như cáp treo, bãi gửi xe, xe điện và niêm yết giá công khai. Cụ thể, sử dụng cáp treo 300.000 đồng/vé khứ hồi; đi xe điện 20.000 đồng/vé khứ hồi; gửi xe máy 10.000 - 20.000 đồng...

Từ năm 2018, trung tâm văn hóa Trúc Lâm Yên Tử được đưa vào hoạt động để phục vụ du khách. Công trình mang nét văn hóa kiến trúc đời nhà Trần với quần thể các hạng mục rất khác biệt, hấp dẫn. Trung tâm văn hóa Trúc Lâm gồm công, hồ nước, làng hành hương, lễ trường, bảo tàng Phật hoàng Trần Nhân Tông... được đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng.

Cùng với các công trình làm dịch vụ ở khu di tích Yên Tử, Công ty Tùng Lâm còn góp công tu sửa bằng các việc làm cụ thể như xây dựng quảng trường ở tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông, xây khu nội viện bốn tầng ở chùa Hoa Yên hàng chục tỷ đồng, lan can bậc đá từ chân tháp tổ lên chùa Hoa Yên...

2.2.5.Thị trường khách

2.2.5.1. Lượng khách

Lượng khách đến thăm quan tại Yên Tử hàng năm thường tập trung cao điểm vào mùa lễ hội từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch (chiếm khoảng 70% lượng khách cả năm).

Theo thống kê của sở VH-TT&DL tỉnh Quảng Ninh trong lượng du khách đến với Yên Tử vào mùa lễ hội năm 2014 là hơn 1,8 triệu lượt khách, tăng 8% so với cùng kì năm 2013. Trong đó, khách lưu trú ước đạt gần 500.000 lượt khách, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2013; khách quốc tế tăng 14% so với cùng kỳ năm 2013.

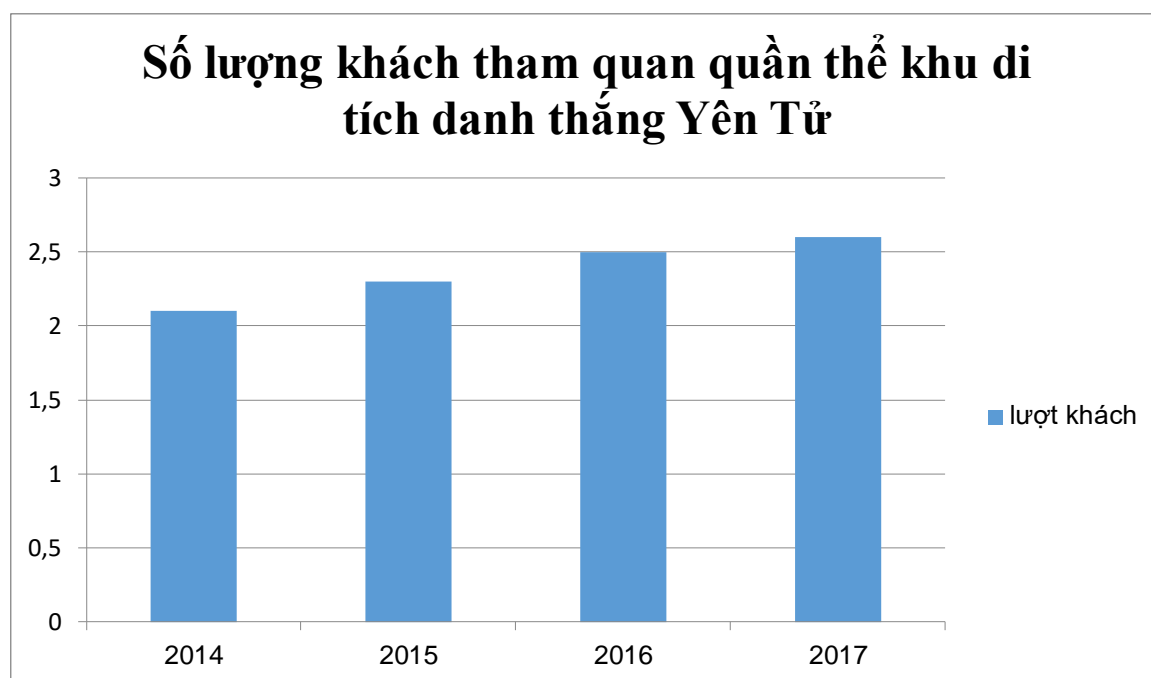
Mùa lễ hội Yên Tử 2015 đón gần 1,5 triệu lượt người, thấp hơn 14% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên, lượng khách quốc tế đạt gần 50.000 lượt, bằng 280% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy hình ảnh và vị trí của Yên Tử đối với du khách nước ngoài, tầm ảnh hưởng của Yên Tử đối với các doanh nghiệp lữ hành lớn trong và ngoài nước ngày được nâng lên; giá trị di tích Yên Tử, công tác tổ chức lễ hội của thành phố ngày được phát huy.

Mùa lễ hội năm 2016, Khu Di tích và Danh thắng Yên Tử đã đón tiếp trên 1,6 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế là 40.2 nghìn, tăng 3% so với cùng kỳ.

Hội xuân Yên Tử 2018 có nhiều thuận lợi nên lượng du khách hành hương về đất Phật trong ngày đầu khai hội tăng cao. Trong hai ngày đầu khai hội có gần 50 nghìn khách du lịch trong và ngoài nước đến thăm quan, trải nghiệm văn hóa tâm linh tại đất Phật Yên Tử, so với năm 2017 lượng du khách trong ngày đầu tăng gấp đôi. Từ đầu năm 2018 đến hết ngày 26/2/2018 tổng số khách đến với Yên Tử là trên 256 nghìn khách trong đó khách nước ngoài từ ngày mùng 1 đến hết ngày 26/2 có khoảng hơn 9 nghìn khách

Bảng so sánh lượng khách 3 năm gần nhất của khu du lịch Yên Tử

	2015	2016	2017	So sánh 2016 vs 2015	So sánh 2017 vs 2016
Khách nội địa	2.250.000	2.460.000	2.570.000	Tăng 9.3%	Tăng 4.4%
Khách quốc tế	52.000	43.000	47.000	Giảm 16%	Tăng 9%
Tổng	2.302.000	2.503.000	2.554.000	Tăng 8%	Tăng 2%



2.5.1.2 Cơ cấu khách và tính mùa vụ

Trong một vài năm gần đây, lượng khách đến Yên Tử là tương đối lớn, tuy nhiên lượng khách này lại phân bố không đồng đều vào các tháng trong năm. Lượng khách tập trung chủ yếu vào dịp lễ hội đầu năm kéo dài 3 tháng từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch.

Loại hình du lịch đặc trưng của khu du lịch Yên Tử là du lịch tín ngưỡng tâm linh. Chính vì vậy, thời gian cho chuyến đi không nhất thiết phải kéo dài

(thường chỉ khoảng 1 ngày), hơn nữa Yên Tử lại có vị trí khá thuận lợi khi gần nguồn cung cấp khách du lịch lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương...do đó càng thuận tiện cho việc khách du lịch thực hiện những chuyến du lịch ngắn ngày về với đất phật. Chính vì lẽ đó cho nên những chuyến du lịch này thường chỉ kéo dài từ 1- 2 ngày mà chủ yếu là 2 ngày cuối tuần và điều này đã gây lên tình trạng quá tải vào cuối tuần tại Yên Tử.

Bên cạnh đó, việc đón tiếp một lượng lớn khách du lịch lại chỉ tập trung vào 3 tháng lễ hội làm cho các phương tiện du lịch không đảm bảo duy trì khả năng phục vụ tốt nhất cho du khách đến đây tham quan.

2.5.2 Các hoạt động du lịch và doanh thu

Để thu hút số lượng khách du lịch đến với di sản, trong những năm gần đây, ban quản lý khu di tích Yên Tử đã có nhiều nỗ lực trong việc đa dạng hóa và bổ sung các hoạt động dịch vụ phục vụ khách.

Năm 2018 Trung tâm văn hóa Trúc Lâm Yên Tử được đưa vào hoạt động để phục vụ du khách. Công trình có trị giá đầu tư gần 1.000 tỉ đồng, mang nét văn hóa kiến trúc đời nhà Trần với quần thể các hạng mục rất khác biệt, hấp dẫn.

Trung tâm văn hóa Trúc Lâm Yên Tử có thể coi là cánh cửa chính chào đón du khách. Bước chân qua bậc tam quan của công trình, du khách sẽ chính thức khởi đầu cung đường hành hương lên non thiêng Yên Tử bằng những trải nghiệm cảm xúc khi lần lượt đi qua các hạng mục kiến trúc: Cung Trúc Lâm, trung tâm lễ hội, vườn thiền, làng Nương, Tuệ Tĩnh đường, bảo tàng Phật Hoàng Trần Nhân Tông, sân lễ trường... Đặc biệt, làng Nương được kỳ vọng sẽ để lại ấn tượng mạnh trong lòng du khách. Ngôi làng với thiết kế đình làng, các gian hàng ẩm thực quê, 50 nóc nhà được dựng bằng tường gạch, đất nung và tường trình đất kết hợp với hệ thống cổng, cửa bằng gỗ lim; khu không gian trưng bày văn hóa người Dao, nông cụ người Việt và những hoạt động biểu diễn chèo, hát xẩm, quan họ... ngay trong làng.

Hai hệ thống cáp treo từ Giải Oan lên Hoa Yên, và từ Hoa Yên lên An Kỳ Sinh vẫn đang được vận hành để phục vụ du khách mùa lễ hội. Giá vé cáp treo khứ hồi 1 tuyến là 250.000 đồng và khứ hồi cho cả 2 tuyến là 300.000.

Đây cũng là năm đầu tiên, tỉnh Quảng Ninh tiến hành thu phí thắng cảnh đối với du khách thập phương. Giá vé đối với người lớn là 40.000đ/người/lượt và trẻ em là 20.000đ/người/lượt.

Năm 2018 cũng là năm tỉnh Quảng Ninh tiến hành thu phí thắng cảnh đối với du khách thập phương. Giá vé đối với người lớn là 40.000đ/người/lượt và trẻ em là 20.000đ/người/lượt. Trong gần 2 tháng kể từ khi tiến hành thu phí tỉnh Quảng Ninh đã thu về hơn 10 tỉ đồng phí tham

quan.

2.6 Nhận xét tình hình phát triển du lịch ở khu vực Yên Tử

- Về lượng khách: Lượng khách đến thăm quan tại Yên Tử tăng khá đều qua trong những năm gần đây. Theo số liệu thống kê thì lượng khách đến với Yên Tử trong giai đoạn 2014 đến 2018 có tốc độ tăng trưởng bình quân là 10%

- Về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: Trong những năm gần đây cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trên địa bàn Yên Tử đã tăng rõ rệt. Các cơ sở phục vụ ăn uống tăng trưởng liên tục về mặt số lượng và chất lượng. Hệ thống các phương tiện vận chuyển khách cũng tăng nhanh cả về số và chất

- Về chi tiêu nguồn nhân lực: Ngày càng thu hút được số lượng đông đảo đội ngũ lao động có chuyên môn và kỹ thuật cao, đồng thời thu hút số lượng người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch ngày càng nhiều.

- Về hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch: Ban quản lý đã kết hợp với UBND thành phố yêu cầu các ngành chức năng, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chu đáo, với tinh thần tiết kiệm, trang trọng, vui tươi lành mạnh, an toàn về người và tài sản cho du khách; đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống cháy nổ và làm tốt công tác bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan môi trường. Các hoạt động văn hoá, tín ngưỡng tôn giáo, dịch vụ văn hoá, dịch vụ du lịch phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, nhằm quảng bá hình ảnh của Yên Tử tới đông đảo du khách trong và ngoài nước, góp phần tôn vinh và phát huy các giá trị của Di tích danh thắng Yên Tử

- Về công tác quy hoạch: Hầu hết các khu vực ở Yên Tử đều được quy hoạch tổng thể, một số khu du lịch trong điểm được quy hoạch chi tiết. Đây là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý một cách hợp lý và bền vững, có hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ nghiêm ngặt các khu vực cần được bảo tồn và phát triển.

- Việc phát triển du lịch ở khu vực Yên Tử trong những năm gần đây đã có những đóng góp tích cực về mặt kinh tế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, đồng thời nâng cao tổng sản phẩm du lịch cho khu vực Yên Tử nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

- Tuy nhiên sự phát triển du lịch một cách mạnh mẽ cũng gây ra những tác động tiêu cực tới tài nguyên, môi trường và đời sống xã hội của người dân địa phương

Chương 3:

Một số giải pháp nhằm phát triển khu du lịch Đông Yên Tử

3.1. Định hướng bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch khu vực Đông Yên Tử

3.1.1. Quan điểm và mục tiêu

Di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) được xác định là bộ phận quan trọng cấp thành môi trường sống của con người. Di sản văn hóa là loại tài sản quý giá không thể tái sinh và không thể thay thế nhưng rất dễ bị biến dạng do tác động của yếu tố ngoại cảnh (khí hậu, thời tiết, thiên tai, chiến tranh), sự phát triển kinh tế một cách ồ ạt, sự đầu tư không đúng mức, sự khai thác không có sự kiểm soát chặt chẽ và cuối cùng là việc tôn tạo, bảo tồn, trùng tu, tổ chức bảo quản, tu bổ, phục hồi tôn tạo di tích là một công việc quan trọng đối với tất cả các di tích. Công tác này nhằm phòng ngừa, hạn chế và bảo vệ các di tích trước sự tác động của môi trường tự nhiên và trước những hoạt động của con người, giúp cho các di tích đảm bảo tính nguyên gốc và nhiều mặt như: vị trí, cấu trúc, chất liệu, vật liệu kỹ thuật truyền thống... để bảo vệ và phát huy giá trị của di tích một cách tốt nhất.

Di tích lịch sử-văn hóa Yên Tử là một trong những di tích hiện nay còn bảo lưu những giá trị văn hóa không lồ và vô giá của quốc gia dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, với vai trò, tầm quan trọng và những giá trị ưu việt còn sót lại của khu di tích Yên Tử, nhằm giữ gìn những tài sản của ông cha ta đã tạo dựng hàng trăm năm mới có được như ngày hôm nay và để những di sản đó còn mãi với thời gian đòi hỏi phải có những giải pháp giữ gìn, bảo tồn và tôn tạo hợp lý, đúng đắn... đó là:

Cần nhận thức rõ và đúng vai trò của công tác bảo tồn, tôn tạo. tiếp tục bảo tồn, tôn tạo các di tích còn sót lại theo đúng chính sách pháp luật

của Nhà nước và Luật di sản. Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ và phát huy di

sản văn hóa vật thể và đầu tư vào hoạt động nghiên cứu, sưu tầm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể vốn đang còn hạn chế ở Yên Tử.

Ưu tiên hàng đầu là công tác bảo vệ và phát huy các mặt giá trị tiêu biểu của di tích (giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và những chức năng tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống và công năng mới về phát triển du lịch ở Yên Tử)

Áp dụng mọi biện pháp có thể để bảo tồn và trùng tu, tạo điều kiện lưu giữ lâu dài và chuyển giao yếu tố nguyên gốc và tính chân xác lịch sử của di tích cho thế hệ tiếp theo.

Việc bảo tồn trùng tu lại di tích phải đảm bảo duy trì được những chức năng truyền thống của di tích là khu di tích tôn giáo linh thiêng, nơi diễn ra lễ hội xuân truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam

Trong việc thực hiện những giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cần thực hiện những nguyên tắc sau:

- Chi can thiệp tối thiểu tới di tích, nhưng cần thiết lập một cơ chế duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ nhất là những di sản văn hóa vật thể đang bị xuống cấp và hư hỏng trong khu di tích để đảm bảo cho di tích được ổn định lâu dài.

- Khi tôn tạo các di tích cần đảm bảo tính nguyên vẹn, sự hài hòa của di tích với cảnh quan xung quanh, nhằm tạo điều kiện nổi bật các giá trị của di tích và cảnh quan di tích với mục đích đáp ứng cho việc khai thác di tích được thuận lợi.

- Khi tiến hành phục hồi di tích phải dựa trên những cứ liệu: Thám sát khảo cổ học, bản vẽ thiết kế ban đầu của di tích, tư liệu các di tích cùng thời, ảnh chụp di tích

Cần tăng cường công tác nghiên cứu, sưu tầm các giá trị của di tích nhằm phát hiện cũng như việc bảo vệ và phát triển di tích một cách tốt hơn.

Bảo tồn tôn tạo các giá trị văn hóa phi vật thể: Lập hồ sơ khoa học các di tích, nhà trưng bày về Thiên Phái Trúc Lâm và Phật Giáo Việt Nam; Bảo tồn,

tôn vinh các giá trị văn hóa lễ hội Yên Tử, các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; phục dựng các sinh hoạt văn hóa dân tộc của cư dân trong khu vực Yên Tử như các hoạt động văn hóa thể thao, chữa bệnh cổ truyền, các trò chơi dân gian mang đậm sắc thái riêng của cộng đồng dân tộc núi rừng Yên Tử.

3.1.2 Các định hướng chính

3.1.2.1. Sử dụng tài nguyên du lịch bền vững

Cần khoanh vùng các khu vực được phép du lịch và nghiên cứu khách du lịch cũng như người dân địa phương xâm nhập trái phép vào các khu vực xung quanh (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ...)

Đầu tư nghiên cứu, tính toán đặc tính của nguồn tài nguyên địa phương trên cơ sở kết hợp với sức chứa cho phép của khu vực để đề ra ngưỡng giới hạn trong việc khai thác tài nguyên phục vụ cho du lịch.

Tiến hành áp dụng chặt chẽ, nghiêm túc những giới hạn này vào thực tế để có thể giảm đến mức thấp nhất những ảnh hưởng mà du lịch có thể mang tới đối với sử dụng tài nguyên du lịch cho các thể hệ sau

3.1.2.3. Phát triển các loại hình du lịch

Các loại hình du lịch được xác định trên cơ sở những nguồn tài nguyên du lịch của khu vực. Do đó, những khu vực có các nguồn tài nguyên du lịch khác nhau thì tương ứng sẽ hình thành và phát triển những loại hình du lịch khác nhau. Từ các loại hình du lịch này thì việc đề ra phương hướng để phát triển chúng ở mỗi khu vực là hoàn toàn riêng biệt và không có sự giống nhau.

Yên Tử có thể xem là khu vực có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú và đa dạng cả về mặt tự nhiên và nhân văn. Từ đó, hình thành nên trong khu vực các loại hình du lịch mang tính chất đặc trưng riêng:

- Du lịch tín ngưỡng, tâm linh (hành hương)
- Du lịch lễ hội
- Du lịch tham quan, nghiên cứu
- Du lịch sinh thái
- Du lịch thể thao mạo hiểm
- Du lịch văn hóa

3.1.2.4 Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch

- Tiến hành kiểm tra, khảo sát, điều tra hiện trạng của sản phẩm du lịch trong khu vực cũng như các tiềm năng chưa được khai thác trên cơ sở phân loại, nguồn gốc rõ ràng. Từ các kết quả này sẽ tạo cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch có tính khả thi để nhằm đưa vào phục vụ cho du lịch những sản phẩm có chất lượng. Có khả năng cạnh tranh cao với những khu vực khác.

- Hướng phát triển các sản phẩm của khu di tích Yên Tử nên tiến hành theo phương châm: đa dạng hóa sản phẩm du lịch trên cơ sở tập trung nhiều vào một số sản phẩm chính. Nghĩa là tiến hành tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của khu vực trên cơ sở kết hợp với việc cung cấp các sản phẩm du lịch vốn không là thế mạnh của vùng để tăng tính đa dạng, tạo nên sức hút đối với khách du lịch. Cụ thể ở Yên Tử đó là: cần tiến hành hợp tác chặt chẽ trên cơ sở hỗ trợ lẫn nhau giữa các điểm du lịch trong vùng để nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng, có chất lượng thông qua các tuyến, điểm du lịch liên vùng.

3.1.2.5 Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của du lịch Yên Tử, có tác động quyết định tới hiệu quả kinh doanh du lịch tại các điểm du lịch. Các điểm du lịch có phát triển được hay không phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ cán bộ và nhân viên quản lý. Bởi vậy cần xây dựng một mô hình quản lý phù hợp, tránh chồng chéo, đáp ứng được xu thế phát triển du lịch tại khu di tích Yên Tử hiện nay.

Để chuẩn bị hành trang đưa Yên Tử trở thành điểm du lịch văn hóa tâm linh kết hợp với sinh thái cho du khách trong và ngoài nước không chỉ 3 tháng Hội xuân mà kéo dài trong cả năm thì vấn đề nguồn nhân lực phục vụ du lịch đòi hỏi phải đáp ứng được với xu thế phát triển ngày càng cao, đặc biệt yêu cầu chất lượng, kỹ năng nghiệp vụ, trình độ quản lý, trình độ ngoại ngữ cũng như cơ cấu lao động hợp lý. Vì vậy cần tổ chức triển khai thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới nhằm đủ về số lượng, cao hơn về chất lượng và phù hợp về cơ cấu là động lực thúc đẩy du lịch thành hướng phát triển

mũi nhọn, đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững hội nhập với sự phát triển du lịch với các điểm, các vùng du lịch khác, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch tại Yên Tử trong giai đoạn tới nhằm phục vụ một cách tốt nhất nhu cầu của du khách và là hình ảnh quảng bá du lịch tốt nhất.

3.1.2.6 Bảo tồn và phát triển tài nguyên môi trường

Tài nguyên môi trường là yếu tố sống còn đối với hoạt động du lịch ở Yên Tử, vì vậy công tác bảo vệ môi trường cần được đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức thực hiện tốt về công tác môi trường sẽ góp phần nâng cao giá trị của khu di tích và tạo cho di tích điểm đến an toàn tin cậy cho du khách.

3.1.2.7 Đẩy mạnh đầu tư phát triển du lịch

Để nâng cao hiệu quả hoạt động DL, Yên Tử cần có sự thu hút vốn từ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để có thêm nhiều nguồn kinh phí. Dựa vào đó, Yên Tử có điều kiện xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, mở rộng loại hình và sản phẩm DL.

Việc thu nguồn vốn đầu tư sẽ đóng vai trò quyết định đến phát triển Yên Tử trong thời gian tới. Định hướng sắp tới là huy động tối đa các nguồn vốn từ ngân sách của Nhà nước, nguồn vốn từ nguồn tích lũy doanh thu về DL, nguồn vốn của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh và cả nguồn vốn từ nước ngoài tham gia đầu tư phát triển DL ...

3.2 Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững tại Yên Tử

Yên Tử có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch bền vững. Trong những năm tới, lượng khách đến Yên Tử sẽ không ngừng tăng lên và du lịch Yên Tử sẽ mang lại hiệu quả kinh tế quan trọng cho thành phố Uông Bí. Du lịch đem lại nguồn lợi kinh tế to lớn cho người dân nhưng chủ yếu là người có điều kiện kinh doanh, người dân tộc thiểu số thì thu nhập từ du lịch là chưa cao. Bên cạnh đó còn nhiều tác động tiêu cực của hoạt động du lịch tới các hệ sinh thái tự nhiên và đời sống văn hoá của người dân nơi đây. Nhận ra những vấn đề này không phải để hạn chế hoạt động du lịch mà chỉ nhấn mạnh những mặt tiêu cực để tìm ra những giải pháp tối ưu cho phát triển du lịch bền vững tại Yên Tử.

3.2.1 Về thị trường khách du lịch

Đây là một trong những nhiệm vụ có tầm quan trọng trong phát triển DL. Qua đó giới thiệu các du khách về đất nước, con người truyền thống văn hóa, lịch sử của Yên Tử. Đồng thời nâng cao nhận thức của mọi người về vai trò của Du Lịch trong sự nghiệp phát triển đất nước. Để nhiệm vụ này hoàn thành tốt, cần phải:

Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, tờ rơi, cẩm nang du lịch, tạp chí...

Ấn phẩm về bản đồ khu du lịch Yên Tử, từng điểm DL, ấn phẩm chào mừng quý khách đến Núi Sam và phát hành các ấn phẩm bằng tiếng Việt, tiếng Anh và có thể là cả tiếng Trung, tiếng Hàn vì lượng khách quốc tế đến với Yên Tử phân đông là từ 2 nước này

Mở các điểm trưng bày và bán sản phẩm lưu niệm, hàng hóa, hàng thủ công mỹ nghệ, của địa phương (măng trúc tươi, trầu một lá, rượu bầu...) đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, tránh để tình trạng chặt chém, bán hàng giả, hàng kém chất lượng cho khách

Thông qua các hội thi, hội chợ, lễ hội, triển lãm để giới thiệu hoạt động du lịch của Yên Tử đến khách du lịch trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

3.2.2. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch đặc thù

Việc lượng khách du lịch tập trung quá đông vào mùa lễ hội đã làm cho vấn đề phát triển các loại hình du lịch theo thời gian khác nhau trở lên rất cần thiết. Không chỉ điều tiết được lượng khách vào mùa lễ hội mà còn góp phần mang đến cho khu du lịch Yên Tử một lượng khách du lịch nhất định.

Để thực hiện được điều này, các nhà quản lý và điều hành ngay từ bây giờ nên tiên hành xây dựng các kế hoạch cụ thể và đưa vào ứng dụng việc phân loại khai thác các loại hình du lịch ở Yên Tử

❖ Loại hình du lịch gắn với văn hóa tín ngưỡng lễ hội

Khu du lịch Yên Tử nổi tiếng với lễ hội xuân Yên Tử, bắt đầu từ ngày 10 tháng Giêng tới hết 3 tháng mùa xuân. Hằng năm lễ hội đón tiếp hàng triệu lượt du khách trong và ngoài nước đến hành hương, chiếm phần lớn lượng du khách

đến với Yên Tử trong cả năm. Tuy nhiên, phần lớn số khách đến với Yên Tử ít lưu trú, đi về bất cứ giờ nào trong ngày và không chi tiêu nhiều cho các sản phẩm dịch vụ trong khu vực. Điều này gây quá tải cho việc đón tiếp, giữ gìn an ninh trật tự và môi trường trong khoảng thời gian trên. Vì vậy cần phát triển thêm các hoạt động du lịch trong thời gian lễ hội như hội chợ, trải nghiệm ẩm thực, tham gia trò chơi dân gian... để giữ chân du khách đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, cơ sở vật chất của các cơ sở lưu trú trong địa bàn khu du lịch.

Ngoài lễ hội xuân Yên Tử vào đầu năm, các lễ hội khác trong năm cũng cần được đầu tư phát triển và tổ chức quảng bá rộng rãi để thu hút khách trong nước và quốc tế.

Ngoài các lễ hội mang tính chất tâm linh, dân gian thì cũng cần phải mở rộng thêm nhiều những loại hình lễ hội khác nhau như: lễ hội hoa, lễ hội ẩm thực... rải đều trong năm để giảm thiểu tính mùa vụ của du lịch Yên Tử

❖ *Loại hình du lịch gắn với sinh thái*

Địa thế tự nhiên của di tích với các chùa chiền, am tháp nằm xen kẽ giữa cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ của rừng quốc gia Yên Tử càng tôn thêm vẻ linh thiêng cho vùng đất phật, là tiềm năng lớn cho phát triển du lịch tâm linh, sinh thái. Cũng chính vì vậy, việc bảo tồn, phát triển bền vững các giá trị đa dạng sinh học của rừng quốc gia Yên Tử đã và đang được gắn kết chặt chẽ với bảo tồn, phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hoá này.

Tiêu biểu như du lịch sinh thái gắn với giáo dục môi trường khi vừa tham gia hành hương vừa kết hợp thưởng ngoạn những cảnh đẹp riêng có trên con đường hành hương dưới tán rừng như đường tùng, đường trúc, vườn tùng, thác Vàng, thác Bạc; tìm hiểu những loài động, thực vật quý hiếm của Yên Tử...

❖ *Loại hình du lịch gắn với thể thao, giải trí*

Vào dịp hè (khi đó lượng khách trẻ tuổi là khá lớn) nên tiến hành phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác các loại hình du lịch thám hiểm, thể thao mạo hiểm như : tổ chức các cuộc thi leo núi, đi bộ dã ngoại khám phá thiên nhiên, cắm trại qua đêm, trekking, xe đạp mạo hiểm...

❖ *Loại hình du lịch gắn với ẩm thực và mua sắm*

Với nhiều loại ẩm thực và đặc sản đa dạng, khu du lịch Yên Tử có thể liên kết với địa phương để xây dựng các tour ẩm thực, hội chợ để giới thiệu đặc sản địa phương, đồ thủ công mỹ nghệ đến với du khách gần xa

Các loại hình ẩm thực và đặc sản có thể đưa vào giới thiệu và quảng bá đến khách du lịch như: Măng trúc tươi Yên Tử, trà một lá, rượu mơ, canh gà rượu Bầu...

Để khai thác tốt tiềm năng này, ban quản lý Yên Tử cần có những động thái xây dựng profile cho từng sản phẩm, phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng, giới thiệu, thương thức và phân phối đạt chuẩn các sản phẩm này tại các khu vực thu hút đông khách

3.2.3 Về nguồn vốn đầu tư phát triển ngành du lịch

Việc khai thác tốt nguồn vốn đầu tư sẽ đóng vai trò quyết định đến phát triển khu du lịch Yên Tử thông qua việc thu hút đầu tư trong thời gian tới. Mục tiêu là huy động tối đa các nguồn vốn ngân sách của Nhà nước, nguồn vốn của doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và nguồn vốn từ nước ngoài tham gia đầu tư phát triển du lịch, có thể huy động nguồn vốn từ:

- *Nguồn vốn ngân sách Nhà nước:* nguồn vốn đầu tư này còn nhiều hạn chế nên cần đầu tư có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở để kích thích các đầu tư khác của xã hội cho du lịch. Nguồn vốn này cần đầu tư vào phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, hỗ trợ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch và bảo tồn, tôn tạo các khu di tích văn hóa, lịch sử.
- *Huy động vốn từ nguồn tích lũy doanh thu về du lịch:* với tốc độ phát triển du lịch theo quy hoạch thì vốn tích lũy từ thu nhập du lịch có khả năng đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cơ bản vào khoảng 15% nguồn vốn cho các dự án phát triển du lịch trên địa bàn địa phương. Thành phố cần điều tiết và phân phối một cách hợp lý nguồn vốn này để đảm bảo các dự án đầu tư hiệu quả.
- *Nguồn vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh:* Khu du lịch Yên Tử có rất nhiều tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch hấp dẫn, ngoài ra

dịch vụ lưu trú và dịch vụ giải trí về đêm cũng rất cần có sự đầu tư của doanh nghiệp. Để mời gọi các nhà đầu tư đến Yên Tử, thành phố cần tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư với những chính sách ưu đãi đặc biệt về đất đai, thuế cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, các ngân hàng cần ưu đãi lãi suất và kì hạn vay vốn cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch mới.

- Để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư cho phát triển, tỉnh cần xây dựng cơ chế chính sách thông thoáng, phù hợp để thu hút và tạo ra nguồn vốn đầu tư phát triển các hoạt động kinh doanh du lịch, huy động mọi nguồn vốn để giải quyết nhu cầu về đầu tư. Thực hiện xã hội hóa công tác đầu tư phát triển du lịch, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động kinh doanh du lịch dưới nhiều hình thức khác nhau, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư, đặc biệt có cơ chế thích hợp để thu hút nguồn vốn trong nhân dân đầu tư vào du lịch. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo tồn, tôn tạo các khu di tích lịch sử.

3.2.4. *Quảng bá, xúc tiến du lịch*

- Biên tập và phát hành ấn phẩm bằng tiếng Việt và tiếng Anh giới thiệu về thiên nhiên, con người, lịch sử, văn hóa và điểm tham quan du lịch của khu du lịch Yên Tử. Ấn phẩm này cần phải được thực hiện một cách công phu về mặt hình ảnh và nội dung, đảm bảo tính mỹ thuật và giá trị thông tin hữu ích cho du khách cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các thông tin về kêu gọi dự án đầu tư du lịch, thủ tục và chính sách ưu đãi đầu tư.

- Biên tập và xuất bản cẩm nang hướng dẫn du lịch Yên Tử, xây dựng bản đồ chỉ dẫn du lịch của khu du lịch Yên Tử để tạo sự thuận lợi cho du khách tự khám phá khi đến đây. Cung cấp thông tin cần thiết cho du khách như phương tiện đi lại, điểm lưu trú, hệ thống các điểm tham quan du lịch, các điểm vui chơi giải trí, ăn uống bao gồm cả thông tin tin cậy về giá cả của các loại hình dịch vụ tại Yên Tử và những số điện thoại cần thiết để hỗ trợ du khách.

- Phát triển và cập nhật các thông tin trên website của Yên Tử, thêm một số ngôn ngữ phổ biến khác như: Hàn, Nhật, Trung Quốc, ... để chuyển tải

các thông tin hữu ích đến du khách và giới thiệu sống động bằng hình ảnh về các điểm đến của du lịch Yên Tử. Đồng thời, website cũng cung cấp thông tin về đầu tư du lịch cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Để thực hiện xúc tiến quảng bá có hiệu quả cần đầu tư kinh phí đúng, đủ cho công tác để hình ảnh, thông tin về du lịch Yên Tử được quảng bá sâu rộng ở tất cả các kênh: tivi, radio, báo mạng, báo in, tờ rơi, ... Hằng năm tổ chức công tác nghiên cứu thị trường, thu thập ý kiến của du khách, các công ty lữ hành về hiệu quả công tác quảng bá xúc tiến du lịch để có những điều chỉnh bổ sung cần thiết kế hoạch quảng bá cho các năm tiếp theo.

3.2.5. Phối hợp liên ngành, liên địa phương

Đẩy mạnh mối liên kết giữa các ngành, địa phương, liên kết vùng nhằm mục tiêu khai thác thế mạnh của từng địa phương, tạo ra những sản phẩm hấp dẫn, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

Sự phát triển của du lịch có liên quan chặt chẽ với các ngành và địa phương. Do đó, du lịch Yên Tử phải tăng cường mối liên kết và có chương trình phối hợp cụ thể với các ngành có liên quan cũng như các địa phương để tạo thành sức mạnh thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý trong phát triển du lịch. Cụ thể như:

- Khu du lịch Yên Tử cần phối hợp với các huyện thị, thành trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng các khu điểm du lịch có sự thống nhất với Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch để nhất quán trong định hướng phát triển, liên kết tour du lịch, phân kỳ đầu tư, nguồn vốn đầu tư và phân công quản lý ...
- Tăng cường liên kết chặt chẽ Khu du lịch Yên Tử với các khu điểm du lịch trên địa bàn tỉnh nhà và các điểm du lịch của các tỉnh phía bắc thông qua các liên kết thành các tua tuyến du lịch để khai thác lợi thế từng nơi, đáp ứng nhu cầu du khách và tác động đến việc phát huy hiệu quả ngành du lịch.

3.2.6. Khắc phục tính thời vụ và duy trì năng lực cạnh tranh du lịch

Khách đến khu du lịch Yên Tử liên tục tăng trong các năm qua. Tuy nhiên, khách du lịch đến đây chỉ tập trung vào một số thời điểm trong năm, đông nhất là thời gian diễn ra Lễ hội Xuân Yên Tử vào mùng 10 tháng giêng đến hết 3 tháng mùa xuân hàng năm, thời gian còn lại số lượt khách đến ít hơn.

Do tính thời vụ trong hoạt động du lịch tại khu du lịch Yên Tử trong thời gian qua đã ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của ngành du lịch và chất lượng phục vụ du lịch đạt không cao cũng như tác động không tốt về môi trường du lịch tại các thời điểm tập trung đông khách. Do đó, để đa dạng các đối tượng du lịch ở các thời điểm trong năm, khắc phục tính thời vụ, đảm bảo việc thực hiện tốt nhu cầu khách du lịch và tăng số lượt du khách đến Yên Tử cũng như tăng hiệu quả hoạt động du lịch của thành phố, tỉnh trong thời gian tới cần thực hiện các giải pháp sau:

Xác định khả năng kéo dài mùa vụ của một loại hình du lịch: Đây là tiền đề quan trọng nhất để từ đó có thể vạch ra và áp dụng chương trình hạn chế những ảnh hưởng bất lợi của thời vụ du lịch. Muốn vậy phải tiến hành xác định số lượng và cơ cấu nguồn khách triển vọng đi du lịch ngoài mùa du lịch chính. Chẳng hạn như khách công vụ, những người nghỉ hưu đi du lịch, đi an dưỡng vào mùa yên tĩnh. Những người này có nhu cầu đi du lịch ít liên quan đến mùa du lịch chính. Ban quản lý có thể tập trung khai thác để kéo dài mùa vụ của loại hình du lịch nghỉ dưỡng tại khu du lịch Yên Tử.

Đa dạng hóa các ngành loại hình du lịch: Thông thường mỗi loại hình du lịch gắn liền với thời vụ nhất định như loại hình du lịch nghỉ mát thường vào mùa hè, du lịch lễ hội thường vào mùa xuân. Vì vậy, để kéo dài thời vụ du lịch ở Yên Tử thì phải phát triển thêm các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái vào mùa hè, các lễ hội văn hóa, du lịch mạo hiểm... (thời gian từ tháng 7 đến tháng 9) ... Từ đó tạo nên lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ đối với các khu du lịch trong tỉnh đem lại nguồn doanh thu du lịch lớn hơn cho địa phương.

3.2.7. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Nâng cao chất lượng người lao động là một trong những yếu tố quyết định sự tăng trưởng của du lịch Yên Tử, cần phải có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao

trình độ nghiệp vụ đối với lao động hiện có và tiếp nhận nguồn lao động mới thông qua hệ thống đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề của Nhà nước và của Tỉnh

Dành nguồn tài chính thích đáng để đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành đối với cán bộ nhân viên, kể cả việc đào tạo trong nước, đào tạo thông qua học hỏi kinh nghiệm ở nước ngoài cụ thể:

Đào tạo lại về quản lý chuyên ngành nghiệp vụ đối với cán bộ và nhân viên hiện đang công tác trong ban, đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Đào tạo bổ xung nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên mới được tiếp nhận từ các trường đại học và dạy nghề của nhà nước.

Đào tạo nghiệp vụ cho lao động thị xã được tuyển vào ban.

Có chế độ khen thưởng kịp thời (nâng lương, đề bạt) đối với những cán bộ nhân viên ham học hỏi, năng động, có tiến bộ, có những sáng kiến hay được áp dụng vào công tác thực hiện. Cùng với đó là nghiêm khắc kỉ luật, xử phạt các hành vi quan liêu, tham nhũng, thiếu năng lực, không tập trung trong công việc.

Đôi cộng đồng địa phương: Chủ yếu tập trung vào các hoạt động nâng cao nhận thức về các vấn đề có liên quan tới các hoạt động du lịch như hiểu biết về giá trị của tài nguyên môi trường, hiểu biết xã hội, kiến thức về pháp luật...

3.2.8. Bảo vệ môi trường du lịch và phát triển du lịch bền vững

❖ Đối với môi trường tự nhiên

Giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường cần đặc biệt được quan tâm và bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch là vấn đề cần thiết và góp phần quan trọng trong phát triển du lịch bền vững Yên Tử. Việc tổ chức thực hiện tốt về công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch sẽ góp phần nâng cao giá trị của khu di tích và tạo cho di tích điểm đến an toàn tin cậy cho du khách, góp phần quảng bá hình ảnh tốt nhất của khu di tích linh thiêng đến với mọi người, thu hút khách du lịch đến với Yên Tử ngày một đông hơn.

Tuy nhiên, bảo tồn tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch phải đáp ứng nhu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội, thẩm mỹ nhưng vẫn duy trì được bản

sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo sự đa dạng sinh học, các quá trình sinh thái cơ bản cũng như các hệ sinh thái cho cuộc sống các thế hệ nay và mai sau. Chính vì lý do trong quá trình thực hiện cần phải quan tâm đến một số giải pháp sau:

Tăng cường nghiên cứu, đo đạc các tài nguyên môi trường (môi trường đất, nước, không khí, rác thải...) ở khu vực Yên Tử, đặc biệt là trong khu vực chịu tác động lớn từ du lịch như các điểm du lịch Tháp Huệ Quang, Chùa Hoa Yên, Chùa Bảo Sái, Tượng An kỳ Sinh, Chùa Đồng trên tuyến đường hành hương để đề ra những biện pháp mang tính ứng dụng và hiệu quả cao nhằm giảm thiểu những tác động đó

Tăng cường kiểm tra giám sát việc bảo vệ môi trường và tài nguyên, nghiêm cấm mọi hành vi gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh các di tích và khu rừng đặc dụng đặc được khoanh vùng. Phối hợp với các ban ngành liên quan trong việc ngăn chặn, đồng thời có chương trình tạo việc làm và thu nhập bổ sung cho cộng đồng dân tộc ít người nhằm xóa bỏ hiện tượng vào rừng lấy gỗ, săn bắt động vật hoang dã trái phép gây lên những sự cố môi trường như cháy rừng, sạt lở đất... làm ảnh hưởng đến tính bền vững về tài nguyên và môi trường của khu vực

Toàn bộ các di tích, các công trình dịch vụ nằm trong khu vực trung tâm do vị trí nằm rải rác, cùng với địa hình dốc nên việc thu gom nước thải quá khó khăn. Do vậy cần xây dựng hệ thống đường ống thoát nước bản riêng dẫn nước về các bể tự hoại từ 10-15m³/bể tại các nhà vệ sinh công cộng, các điểm dịch vụ, nhà ga cáp treo... trên tuyến đường hành hương.

Xây dựng các nhà vệ sinh dọc tuyến bảo đảm mỹ quan, hiện đại phục vụ du khách. Đặt các nhà vệ sinh lưu động dọc tuyến. Đồng thời tiến hành nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp xử lý rác thải để thay thế việc sử dụng thuốc phân hủy hiện nay. Bởi trên cơ sở này, lượng rác thải sẽ phải mất một thời gian khá lâu mới có thể phân hủy hoàn toàn. Hơn nữa việc sử dụng biện pháp này cũng không đảm bảo tốt vấn đề môi trường cho đất đai ở đây.

Thực hiện các hoạt động thu gom rác thải và xử lý chất thải : Tại các điểm du lịch, các khu dịch vụ, các điểm bến bãi đỗ xe, dọc tuyến đường hành hương,

đường nội bộ vì bố trí các thùng chứa. Những ngày thường ít khách, khối lượng rác thải nhỏ, lượng lao động tự thu gom rác, phân loại vô cơ, hữu cơ rồi sau đó tập trung về trạm trung chuyển. Các ngày lễ hội chính, lượng rác thải lớn, lực lượng lao động phân loại và tập trung về các điểm thùng chứa rác, cuối ngày thu gom vận chuyển về khu xử lý rác hiện có của Thành phố.

Tổ chức các chương trình giáo dục môi trường, các hoạt động nhằm hạn chế sự suy thoái và bảo vệ phát triển các hệ sinh thái như không đốt, phá rừng, không khai thác bừa bãi tài nguyên rừng, tăng cường trồng cây xanh tại các điểm du lịch.... một cách hệ thống và thường xuyên đặc biệt trong những ngày lễ hội. Có thể sử dụng các phương pháp giáo dục truyền thống như nhắc nhở trực tiếp du khách, phát tờ rơi (với nội dung nhấn mạnh vai trò môi trường), tuyên truyền qua đài phát thanh.

❖ Đối với môi trường xã hội

Sự phát triển du lịch luôn gắn với cộng đồng địa phương. Vai trò của cộng đồng dân cư địa phương rất lớn bởi họ vừa là khách du lịch, vừa là người phục vụ các dịch vụ du lịch, vừa góp phần tạo nên môi trường xã hội cho du lịch phát triển. Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch bền vững thì việc nâng cao nhận thức và đời sống của cộng đồng dân cư tại nơi đây là rất cần thiết. Các giải pháp này cần tập trung một số vấn đề sau:

Tiến hành kiểm định lại việc cho thuê mặt bằng kinh doanh, trên cơ sở đó để đặt ra các phương án giảm giá thuê cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn tạo điều kiện cho họ nâng cao thu nhập cải thiện đời sống. Đồng thời tiến hành thu nguồn lao động tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường trên cơ sở ưu tiên cho các cá nhân có đủ điều kiện ở trong xã.

Tạo điều kiện cho các cá nhân trong địa phương có việc làm trên cơ sở khoán rừng cho các hộ gia đình. Trên cơ sở đó, trong điều kiện nhất định họ có thể khai thác các nguồn tài nguyên từ rừng để phục vụ cho du lịch.

Lòng ghép nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch và các chương trình, các dự án, phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng đẩy

manh công tác giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết về phát triển du lịch bền vững cho cộng đồng nhân dân địa phương.

Khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp hoạt động du lịch trên địa bàn khu vực và cộng đồng dân cư địa phương tham gia tích cực vào hoạt động du lịch, vào nỗ lực bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, tham gia giữ vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch trong khu vực.

Cần tiến hành đầu tư thoả đáng cho việc duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống hàng năm ở Yên Tử trên cơ sở kinh phí lấy từ nguồn thu du lịch. Đây là điều cần thực hiện nghiêm chỉnh và quy mô không chỉ bởi lý do xã hội mà ở góc độ nào đó, đây còn là bản sắc, là bộ mặt của khu di tích Yên Tử trong việc thu hút nguồn khách du lịch đến tham quan.

Cần nghiên cứu thống kê các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương trên cơ sở sách, báo, các tài liệu cổ hay các tài liệu truyền miệng... để từ đó có thể tiến hành xây dựng và tổ chức lại hệ thống lễ hội vốn rất đặc sắc và phong phú của địa phương.

Ngoài điểm biểu diễn văn nghệ truyền thống được tổ chức ở chân của hệ thống cáp treo, cần tiến hành quy hoạch thêm một số điểm biểu diễn văn nghệ, ca múa nhạc dân tộc với những chương trình độc đáo, đặc sắc dọc theo tuyến du lịch nhằm giữ chân khách và tạo sắc thái dân gian cho khách du lịch.

3.3 Một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch Yên Tử

Quy hoạch chính thức khu di tích danh thắng Yên Tử, chỉnh trang đô thị đem lại môi trường xanh - sạch - đẹp, thực hiện nghiêm túc các biện pháp giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội và thực hiện nề nếp, mua bán, khai thác dịch vụ du lịch một cách văn minh, không chèo kéo, nài ép du khách. Đó là yếu tố quyết định sự sống còn, phát triển của các khu, điểm du lịch.

Tổ chức điều tra và phân loại tài nguyên du lịch địa phương, xã hội hóa việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên du lịch nhằm cải thiện các hoạt động dịch vụ du lịch, từng bước cải thiện về môi trường du lịch.

Sản phẩm dịch vụ du lịch địa phương cần được đa dạng hóa và nâng cao chất lượng. Xây dựng các tuyến, điểm, chương trình tour du lịch cũng như tổ chức đào tạo đội ngũ lao động phục vụ du lịch của địa phương.

Phát huy vai trò của Ban Quản lý du lịch Yên Tử và Đội liên ngành quản lý du lịch để kiểm soát hoạt động của các cơ sở lưu trú địa phương. Việc kiểm soát chặt chẽ khách lưu trú sẽ tránh được các tệ nạn xã hội và đảm bảo an toàn cho khách, an ninh quốc gia, quản lý tốt hơn các hoạt động du lịch và chất lượng dịch vụ.

Thành lập một Trung tâm thông tin và hướng dẫn khách du lịch nhằm khai thác cơ sở dữ liệu về du lịch của địa phương: cung cấp nội dung cho các hoạt động quảng bá, xúc tiến, các tài liệu cũng như các hoạt động lễ hội về du lịch Yên Tử,... là cầu nối gắn kết các chương trình du lịch của Trung ương, của tỉnh với các đơn vị kinh doanh du lịch tại địa phương và tìm cơ hội tổ chức các khóa đào tạo cho nguồn nhân lực du lịch của địa phương. Ban Quản lý phát triển du lịch là cơ quan quản lý thích hợp nhất.

Việc thành lập một Trung tâm thông tin và hướng dẫn du lịch là một sáng kiến tốt để thúc đẩy kinh doanh lữ hành tại địa phương.

Cần có những chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, mời gọi các đối tác, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch.

Duy trì công tác tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động du lịch của các cơ quan, đơn vị quản lý, các cơ sở lưu trú, đơn vị kinh doanh trên địa bàn nhằm kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

Ban quản lý khu di tích Yên Tử có trách nhiệm quản lý khách du lịch như: đăng ký tạm trú và đảm bảo an ninh, an toàn cho khách, quản lý các đơn vị kinh doanh du lịch tại địa phương về đạo đức kinh doanh, vệ sinh môi trường, chợ địa phương, xây dựng cơ sở vật chất và thực hiện các chương trình văn hóa và thể thao.

Với đặc thù công việc giải quyết các sự việc, Ban quản lý khu di tích Yên Tử nên thường xuyên tổ chức việc thanh kiểm tra hoạt động của các đơn vị trên

địa bàn nhằm lập trật tự kinh doanh tại địa phương và bảo vệ quyền lợi cho khách hàng và của chính người dân địa phương.

Giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo các dịch vụ hàng hóa được niêm yết và bán đúng giá. Hướng dẫn các cơ sở lưu trú thực hiện tốt việc khai báo khách nghỉ qua đêm và có những thái độ phục vụ khách tốt hơn, tạo môi trường lành mạnh và ấn tượng tốt cho du khách.

Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhất là các tình trạng nói thách, cò mồi, lôi kéo khách, tranh mua, tranh bán gây mất trật tự công cộng. Đặc biệt, đề xuất quy hoạch, kế hoạch sắp xếp bố trí chỗ cho các mặt hàng buôn bán ổn định, đảm bảo mỹ quan đô thị và vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm phục vụ du khách ngày càng tốt hơn.

Kết luận

Sau khi nghiên cứu tiềm năng, hiện trạng và định hướng phát triển du lịch ở khu di tích và danh thắng Yên Tử, khóa luận rút ra một số kết luận như sau:

Khu di tích và danh thắng Yên Tử là nơi có vị trí rất thuận lợi, do đó thị trường cung cấp khách du lịch là rất lớn, lượng khách tiềm năng cao. Ngoài ra Yên Tử còn mang trong mình những nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn vô cùng phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, những nguồn thông tin về khu du lịch Yên Tử đến với du khách là chưa nhiều. Do đó cần có những biện pháp quảng cáo nhằm thu hút sự chú ý của các đối tượng trên thông qua các phương tiện thông tin, cùng với việc kết hợp với các điểm du lịch khác như Vịnh Hạ Long, Móng Cái tạo thành một tuyến du lịch tham quan có chất lượng cao.

Mặc dù là khu vực có khả năng hấp dẫn khách du lịch, tuy nhiên Yên Tử vẫn chưa khai thác triệt để được nguồn tài nguyên của khu vực để phục vụ cho du lịch. Do đó cần tiến hành kết hợp nhiều loại hình du lịch để tăng sự phong phú cho khu du lịch Yên Tử.

Cần tiến hành tăng cường triệt để phát triển cơ sở vật chất phù hợp nhằm đảm bảo phục vụ cho nhu cầu của du khách. Tuy nhiên, việc nâng cấp và xây dựng mới những cơ sở này vẫn phải đảm bảo được tính hợp lý trong phân bố cũng như sự hài hòa trong tổng quan tự nhiên và văn hóa.

Môi trường hiện nay là vấn đề đáng quan tâm của khu vực. Bên cạnh môi trường nước và môi trường không khí mới chỉ ở giai đoạn đầu của quá trình ô nhiễm thì hiện trạng môi trường rác thải là rất đáng lo ngại. Do đó cần tiến hành những biện pháp hữu hiệu để hạn chế những vấn đề này.

Có thể khẳng định trong tương lai không xa, với những thành công đã đạt được cũng như những mặt hạn chế được khắc phục thì hoạt động du lịch đến các di tích lịch sử văn hoá sẽ ngày càng sôi động hơn, khai thác có hiệu quả hơn những tiềm năng sẵn có của mình, góp phần vào sự phát triển bền vững của khu vực nói riêng và của tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Những đề xuất nêu trên cũng chỉ là những suy nghĩ ban đầu dựa trên nghiên cứu thực tế và những tri thức khoa học tích lũy được. Cần bổ sung hoàn chỉnh hơn cho những giải pháp này và triển khai trong thực tế.

Trong quá trình làm bài luận văn em cố gắng tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô. Em xin chân thành cảm ơn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu

Bộ VH - TT - Quy định của Nhà nước về hoạt động quản lý văn hóa thể thao.

Luật bảo vệ môi trường

Nguyễn Trần Chương – Chùa Yên Tử. Nhà xuất bản văn hóa thông tin Hà Nội

Phạm Trung Lương. Du lịch sinh thái, những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Nhà xuất bản giáo dục 2002.

Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND, được HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua ngày 13/12/2017.

2. Internet

<https://vnexpress.net/thoi-su/quang-ninh-thu-hon-10-ty-dong-phi-tham-quan-yen-tu-trong-gan-2-thang-3716701.html>

<http://baoquangninh.com.vn/du-lich/201808/chao-mung-nam-du-lich-quoc-gia-2018-ha-long-quang-ninh-yen-tu-doi-thay-2397396/index.htm>

<http://banquanlyyentu.vn/chi-tiet-bai-viet/-/view-article/1/1503967881028/1506904921711>

<http://banquanlyyentu.vn/co-cau-to-chuc1>

<https://vietnammoi.vn/thenh-thang-duong-vao-hoi-xuan-yen-tu-82018.html>

PHỤ LỤC

